

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Thu

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẠN TÀI PHƯƠNG AN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Lê Thị Thu

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Thu

Mã SV: 1012401376

Lớp: QT1406K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Vận tải Phương An

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (*về lý luận, thực tiễn, các số liệu...*).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....
.....
.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....
.....
.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014
Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1.Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1.Một số khái niệm cơ bản về doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1.1.Khái niệm doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.....	3
1.1.1.2.Khái niệm về chi phí.....	4
1.1.1.3.Khái niệm kết quả kinh doanh.....	5
1.1.2. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong doanh nghiệp.....	6
1.1.2.1. Các phương thức bán hàng.	6
1.1.2.2. Các phương thức thanh toán.....	7
1.2.Tổ chức kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	7
1.2.1.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	7
1.2.2. Chứng từ sử dụng.....	8
1.2.3. Tài khoản sử dụng.	8
1.2.3.1. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác. .8	
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí.....	11
1.2.3.3. TK sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	13
1.2.4.Kế toán chi tiết trong hạch toán chi phí,doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.	13
1.2.4.1.TK chi tiết trong kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ	13
1.2.5. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và doanh thu tiêu thụ nội bộ.	16
1.2.5.2. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	18
1.2.5.3.Kế toán tổng hợp doanh thu và thu nhập khác.....	19
1.2.5.2.Kế toán tổng hợp chi phí.....	20
1.2.5.3. Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh.	25

1.2.6. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.....	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH TM VT PHƯƠNG AN.....	31
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH TM VT Phương An	31
2.1.1. Sự hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM VT Phương An.....	31
2.1.2. Đặc điểm ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH TM VT Phương An.....	32
2.2. Khái quát tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An.	37
2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán của công ty TNHH TM VT Phương An.	38
2.2.2.1. Hình thức kế toán	38
2.2.2.2. Sổ kế toán sử dụng.	39
2.2.2.3. Chế độ, chính sách kế toán Công ty đang áp dụng	40
2.2.2.4. Chứng từ sử dụng	41
2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMVT Phương An	41
2.3.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMVT Phương An	41
2.3.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An.	42
2.3.2.1. chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu bán hàng.....	42
2.3.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH TM VT Phương An.....	57
2.3.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH TM VT Phương An.....	66
2.3.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An	72
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VT PHƯƠNG AN	76
3.1. Định hướng phát triển của công ty TNHH TM VT Phương An.	76
3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMVT Phương An.....	76
3.2.1. Những ưu điểm.....	76

3.2.2 Nhược điểm	77
3.2. Kiến nghị một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An.....	79
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
BDSĐT	Bất động sản đầu tư
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQL	Chi phí quản lý
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
K/C	Kết chuyển
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: kế toán doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp	16
Sơ đồ 1.2:kế toán theo phương thức đại lý.....	16
Sơ đồ 1.3: kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp.....	17
Sơ đồ 1.4: kế toán doanh thu bán buôn vận chuyển thẳng.....	17
Sơ đồ 1.5: hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	18
Sơ đồ 1.6: kế toán tổng hợp doanh thu và thu nhập khác.....	19
Sơ đồ 1.7: hạch toán giá vốn hàng bán.....	20
Sơ đồ 1.8: hạch toán chi phí bán hàng.....	21
Sơ đồ 1.9: hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	22
Sơ đồ 1.10: hạch toán chi phí tài chính.....	23
Sơ đồ 1.11: hạch toán chi phí khác.....	24
Sơ đồ 1.12: hạch toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh.....	24
Sơ đồ 1.13: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – sổ cái.....	26
Sơ đồ 1.14: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.....	27
Sơ đồ 1.15:trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ.....	28
Sơ đồ 1.16: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.....	29
Sơ đồ 1.17: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.....	30
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM VT Phương An.	33
Sơ đồ 2.2 : Quy trình kinh doanh của công ty TNHH TM VT Phương An.	35
Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán trong Công ty TNHH TM VT Phương An.....	37
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH TM VT Phương An	39
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán:	43
Sơ đồ 2.6: trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An.....	2

DANH MỤC BIỂU

Biểu số 1.1: sổ chi tiết bán hàng.....	14
Biểu số 1.2: sổ chi tiết giá vốn hàng bán.....	15
Biểu 2.1: Các mặt hàng chủ yếu của công ty TNHH TM VT Phương An.	35
Biểu 2.2: Tình hình kinh doanh của Công ty năm 2011, 2012 và 2013	36
Biểu số 2.3: hóa đơn GTGT số 0027840.....	45
Biểu số 2.4: hóa đơn GTGT số 0027842.....	46
Biểu số 2.5: hóa đơn GTGT số 0026843.....	47
Biểu số 2.6: bảng kê bán lẻ hàng hóa.....	49
Biểu số 2.7: sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	50
Biểu số 2.8: sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua.....	51
Biểu số 2.9: sổ nhật ký chung.....	52
Biểu số 2.10: sổ chi tiết bán hàng.....	54
Biểu số 2.11: sổ tổng hợp chi tiết bán hàng.....	55
Biểu số 2.12: sổ cái tài khoản 511.....	56
Biểu số 2.13: phiếu xuất kho số 847.....	58
Biểu số 2.14: phiếu xuất kho số 848.....	59
Biểu số 2.15: sổ chi tiết giá vốn hàng bán.....	60
Biểu số 2.16: sổ tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán.....	61
Biểu số 2.17: sổ nhật ký chung.....	62
Biểu số 2.18: sổ cái tài khoản 632.....	64
Biểu số 2.19: bảng thanh toán lương.....	66
Biểu số 2.20: bảng tính khấu hao TSCĐ.....	67
Biểu số 2.21: Phiếu chi số 56.....	68
Biểu số 2.22: Sổ Nhật ký chung.....	69
Biểu số 2.23: Sổ cái TK 641	70
Biểu số 2.24: bảng thanh toán lương bộ phận quản lý doanh nghiệp.....	71
Biểu số 2.25: sổ nhật ký chung.....	75
Biểu số 3.1: sổ nhật ký thu tiền.....	82
Biểu số 3.2: sổ nhật ký chi tiền.....	83
Biểu số 3.3: sổ nhật ký mua hàng.....	84
Biểu số 3.4: sổ nhật ký bán hàng.....	85
Biểu số 3.5: Sổ nhật ký chung.....	88
Biểu số 3.6: Sổ cái (theo hình thức nhật ký chung).....	88

LỜI NÓI ĐẦU

1: Tính cấp thiết của đề tài.

Trong lịch sử phát triển của loài người, sản xuất chiếm một vai trò cực kỳ quan trọng, nó tạo ra của cải vật chất, cơ sở tồn tại và phát triển của con người. Vì vậy không thể hạ thấp vai trò của sản xuất. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu của con người. Vì vậy họ không ngừng đặt câu hỏi làm thế nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp mà doanh nghiệp sử dụng đó là tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm, phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép mọi hoạt động của doanh nghiệp. Để thực hiện được điều này các doanh nghiệp cần tổ chức tốt công tác kế toán của mình. Vì đó làm một trong những yếu tố quan trọng quyết định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, sau thời gian tìm hiểu hoạt động kinh doanh cũng như công tác kế toán nói chung của công ty TNHH TM VT Phương An em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong hoạt động kinh doanh của công ty nên luôn luôn đòi hỏi phải được quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất trong hạch toán kế toán. Vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu phân hành này trong công ty với đề tài: “ **Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An** ”.

2-Mục tiêu nghiên cứu.

-về mặt lý luận: hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

-về mặt thực tế: mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty TNHH TM VT Phương An.

đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An.

3- đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

-đối tượng nghiên cứu.

đối tượng nghiên cứu của đề tài này là tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An Các báo cáo

liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2013, báo cáo tài chính năm 2013 và các thông tin khác có liên quan.

- Phạm vi nghiên cứu: đề tài được thực hiện tại công ty TNHH TM VT Phương An.

4- Phương pháp nghiên cứu

Bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối, phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp chi tiết liên hệ) các phương pháp thống kê trong nghiên cứu để tìm ra tính chất và quy luật của chúng.

5- Kết cấu của chuyên đề : đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận đề tài gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An.

Trong thời gian thực tập chuyên đề thực tập tốt nghiệp tại công ty em rất cảm ơn sự giúp đỡ của các anh chị trong phòng kế toán và sự hướng dẫn chỉ bảo nhiệt tình của cô giáo Nguyễn Thị Thúy Hồng giáo viên hướng dẫn thực tập đã giúp em hoàn thành tốt chuyên đề thực tập này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1.1. Khái niệm doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.

-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

+ Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng là doanh thu chưa tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng.

+Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là doanh thu có tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bán hàng thông thường.

-Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Chỉ ghi nhận doanh thu trong kỳ kế toán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia theo quy định tại điểm 10, 16, 24 của chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác (Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính) và các quy định của chế độ kế toán hiện hành. Khi không thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu không hạch toán vào tài khoản doanh thu.

Doanh thu bán hàng được xác định khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu sản phẩm.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ phần lớn quyền quản lý, quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu hay sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến bán hàng.

- Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại.

- Thu nhập khác: Thu nhập khác là các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Khái niệm về chi phí.

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc một chu kỳ nhất định (tháng, quý, năm) thực chất chi phí bằng sự chuyển dịch vốn, giá trị của các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá như (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ).

Theo chuẩn mực kế toán số 01 “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí: bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.

* Chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm:

- Giá vốn hàng bán: Là giá vốn thực tế xuất kho của một số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất

- Chi phí tài chính: Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

* Chi phí khác: là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có)

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán

- Các khoản chi phí khác...

* Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận:

Doanh Thu Thuần về Bán Hàng và cung cấp Dịch Vụ = Doanh Thu Bán Hàng và cung cấp Dịch Vụ – Các khoản giảm trừ Doanh Thu.

Lợi Nhuận gộp về BH và cung cấp Dịch Vụ = Doanh Thu Thuần về BH và cung cấp Dịch Vụ – Giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp.

1.1.2. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Các phương thức bán hàng.

- Phương thức bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

-Bán buôn hàng hoá

Là phương thức bán hàng hoá cho các đơn vị thương mại, các doanh nghiệp sản xuất... để thực hiện bán ra hoặc để gia công, chế biến bán ra.

+ Bán buôn hàng hoá qua kho: là phương thức mà trong đó hàng hoá được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua

-Bán lẻ hàng hóa

Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế hoặc các đơn vị kinh tế tập thể mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng : theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- Phương thức bán hàng qua đại lý : là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp : theo phương thức này, khi hàng giao cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.
- Phương thức trao đổi hàng : là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

1.1.2.2. Các phương thức thanh toán.

Việc tiêu thụ hàng hóa nhất thiết được thanh toán với người mua, bởi vì chỉ khi nào doanh nghiệp thu nhận được đầy đủ tiền bán hàng hoặc sự chấp nhận trả trả tiền của khách hàng thì việc tiêu thụ mới được phép ghi nhận trên sổ sách kế toán. Việc thanh toán với người mua về hàng hóa bán ra được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, trả chậm trả góp.

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định và phân phối kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- + Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình bán hàng, từng chủng loại, từng địa điểm, từng phương thức bán.
- + Tính toán, phản ánh chính xác tổng giá trị thanh toán của hàng hoá bán ra bao gồm: doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm hàng, mặt hàng, của từng hoá đơn, của từng khách hàng, của từng đơn vị trực thuộc...
- + Xác định chính xác giá mua thực tế của hàng hoá đã bán ra (giá vốn), việc phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ để xác định chính xác kết quả bán hàng
- + Kiểm tra đơn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng và từng số tiền và thời hạn phải trả, tình hình trả nợ của khách hàng.
- + Tập hợp đầy đủ, chính xác, đầy đủ các khoản chi phí bán hàng thực tế phát sinh, phân bổ kết chuyển chi phí bán hàng cho hàng đã tiêu thụ làm căn cứ cho việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp
- + Tham mưu các biện pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay tổng vốn

+ Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình bán hàng cho lãnh đạo để phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh, cung cấp số liệu, tài liệu cho các ngành quản lý phục vụ cho yêu cầu quản lý chung của ngành thương mại và của nền kinh tế.

1.2.2. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế với khách hàng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ phản ánh tình hình thanh toán như: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng.
- Đơn đặt hàng.

1.2.3. Tài khoản sử dụng.

1.2.3.1. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác.

➤ TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

➤ TK 512 - “doanh thu bán hàng nội bộ”.

Tài khoản này sử dụng để phản ánh Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511:

Nợ	TK511,512	Có
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ. - Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại) - Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần, doanh thu BĐSĐT sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu BĐSĐT . - Doanh thu nội bộ phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ TK 515- “ Doanh thu hoạt động tài chính”

Nợ	TK 515	Có
- số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) -kết chuyển doanh thu hoạt động Tài chính thuần sang TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”	-Tiền lãi -Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản -Chênh lệch về do bán ngoại tệ -Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán -Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ TK 711 – “Thu nhập khác”:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ k/c các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911	-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh có

- TK 521;531;532– “các khoản giảm trừ doanh thu;chiết khấu thương mại;giảm giá hàng bán”

Nợ	TK 521;531;532	Có
- Trị giá hàng bán bị trả lại,đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán ra. -các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng. - chiết khấu thương mại cho khách hàng hưởng.		- kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511;512
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

- TK 333– “thuế và các khoản phải nộp nhà nước”

Nợ	TK 3331;3332;3333	Có
-Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ. -Số thuế,phí,lệ phí và các khoản phải nộp đã nộp vào Ngân sách nhà nước -Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp -Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại,bị giảm giá.		- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khấu phải nộp. -số thuế,phí.lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách nhà nước.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Số dư bên có TK 333 : số thuế,phí,lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách nhà nước

Trong trường hợp cá biệt tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và

các khoản phải nộp cho nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu

1.3.2. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí.

Nợ	TK 641,642	Có
- Các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí BH, QLDN trong kỳ vào bên Nợ TK 911.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

➤ TK 632– “ giá vốn hàng bán”

Nợ	TK 632	Có
-Trị giá vốn của sản phẩm,hàng hóa,dịch vụ đã bán trong kỳ -số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		- kết chuyển giá vốn của sản phẩm,hàng hóa,dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 -khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho -trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

➤ TK 635 – Chi phí tài chính:

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, góp vốn liên doanh liên kết...

Kết cấu của tài khoản này như sau:

<i>Nợ</i>	<i>TK 635</i>	<i>Có</i>
- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí chuyển nhượng đất,..., được xác định là tiêu thụ.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ, k/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.	
<i>Tổng phát sinh Nợ</i>		<i>Tổng phát sinh Có</i>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

➤ TK 811 – “Chi phí khác”:

Tài khoản này phản ánh những chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt đối với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản.

<i>Nợ</i>	<i>TK 811</i>	<i>Có</i>
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.		-Cuối kỳ k/c toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.
<i>Tổng phát sinh Nợ</i>		<i>Tổng phát sinh Có</i>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

1.2.3.3. TK sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.

➤ TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của SP, HH, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. - kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí QLDN. - kết chuyển chi phí tài chính, chi phí Thuế TNDN và chi phí khác. - Kết chuyển lãi sau thuế. 	<ul style="list-style-type: none"> - kết chuyển doanh thu thuần về số SP, HH, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. - kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính. - kết chuyển thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

1.2.4. Kế toán chi tiết trong hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.4.1. TK chi tiết trong kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “

TK 511 có 6 TK cấp 2.

- TK 5111 – doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá:
- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh BĐSĐT
- TK 5118 – Doanh thu khác

1.2.4.2. Sổ sách chi tiết kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.

- Sổ chi tiết bán hàng
- sổ chi tiết giá vốn hàng bán
- sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh

Biểu số 1.1: sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:.....

Mẫu số: S35-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm(hàng hóa,dịch vụ,bất động sản đầu tư).....

Năm:

Quyển số :.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			SL	ĐG	Thành tiền	Thuế	Khác(521; 31;532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			-Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

1.2.5. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và doanh thu tiêu thụ nội bộ.

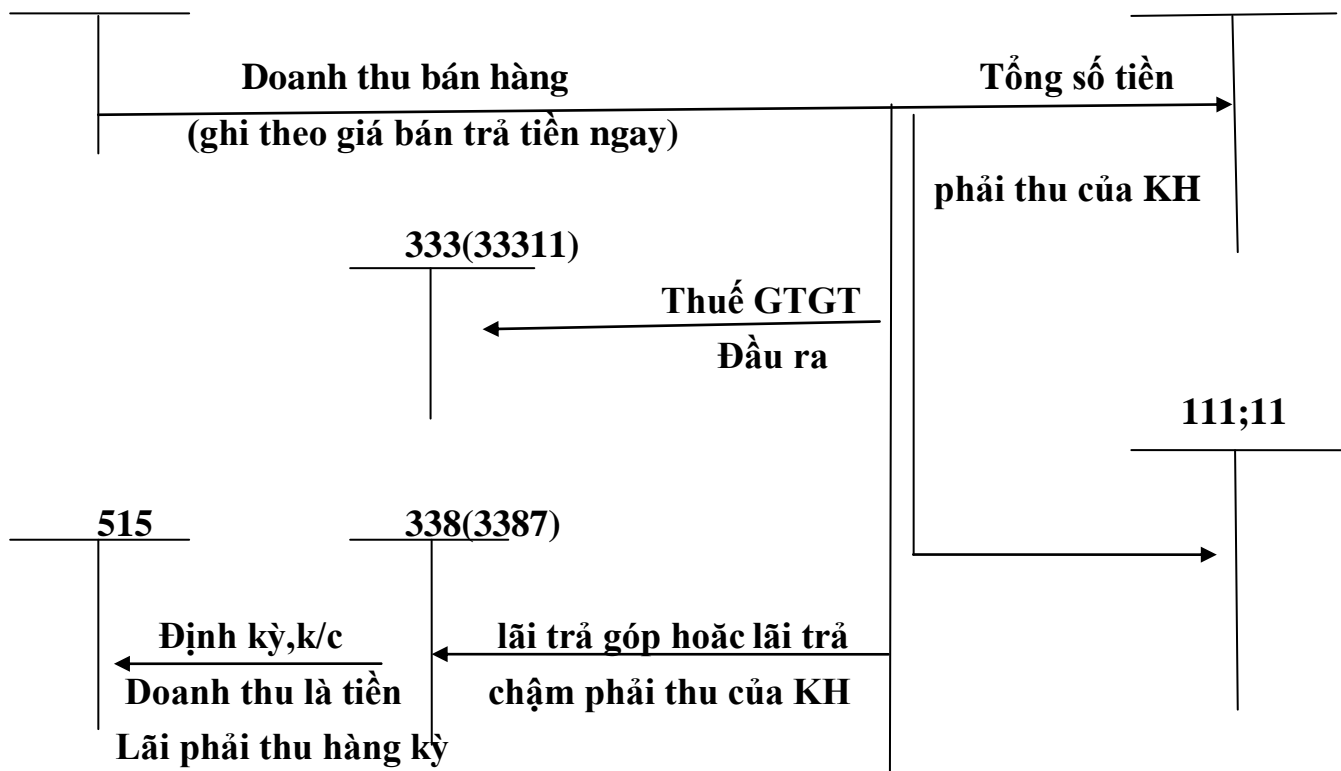
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

Theo quyết định 15/2006-QĐ-BTC

TK 511

131



Sơ đồ 1.2: sơ đồ kế toán theo phương thức đại lý

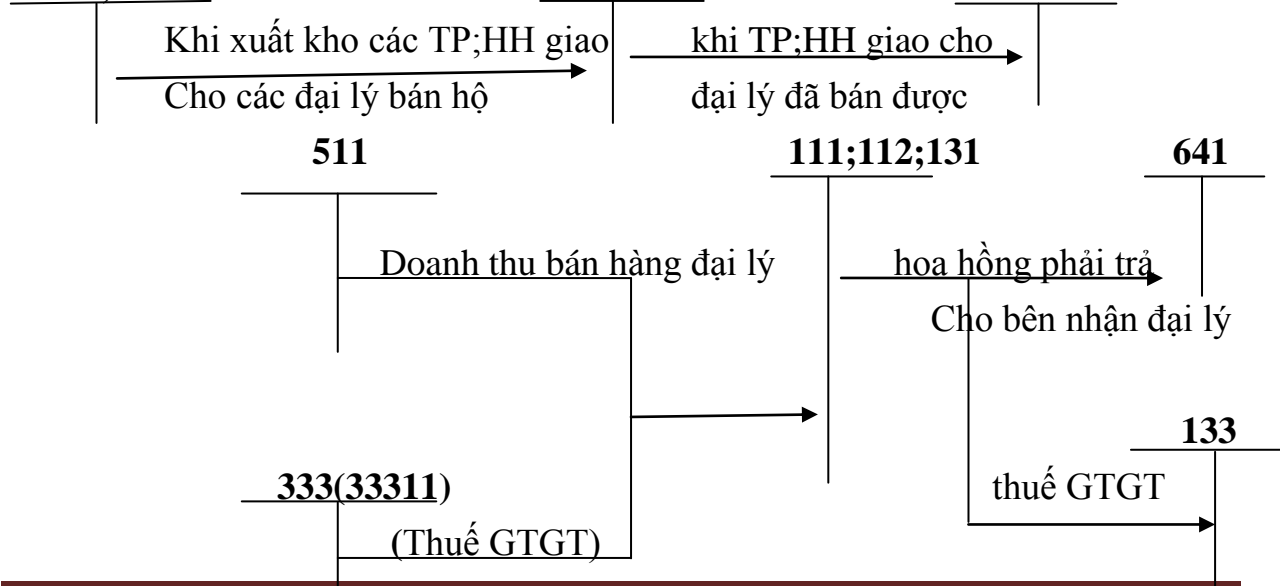
Kế toán theo phương thức đại lý

Theo quyết định 15/2006-QĐ-BTC

155;156

157

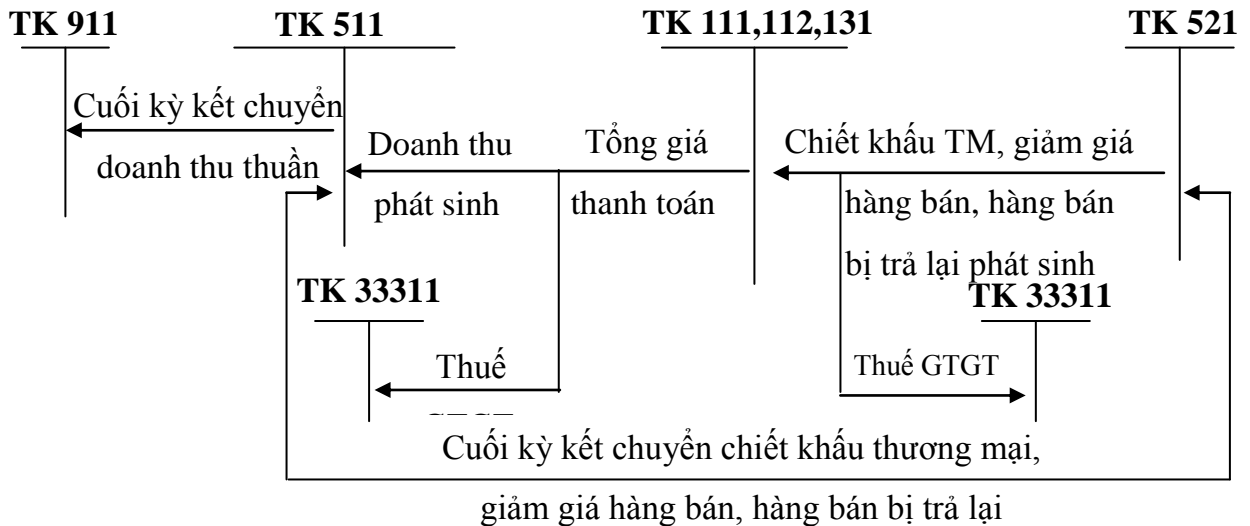
632



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp

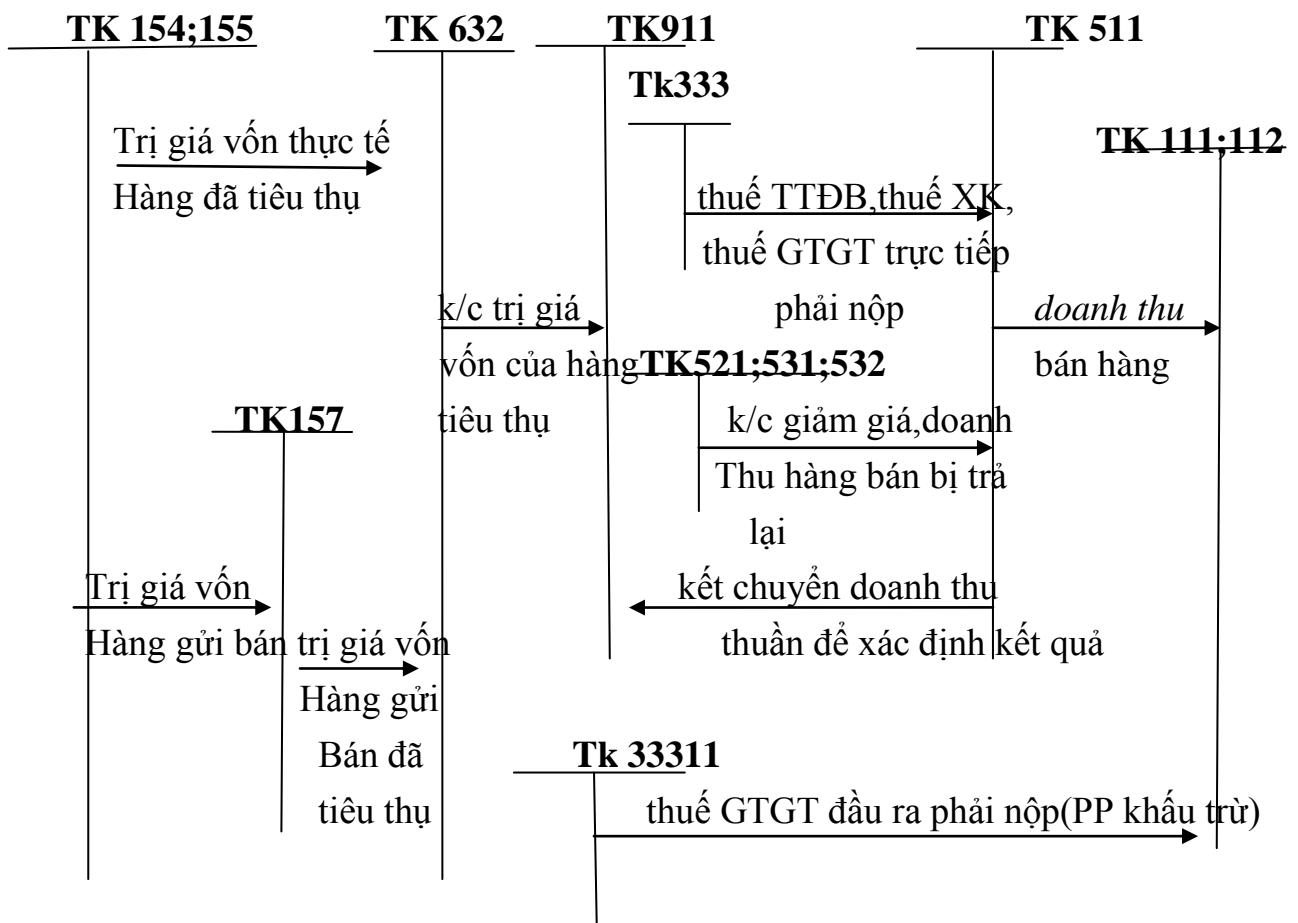
Kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp

(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



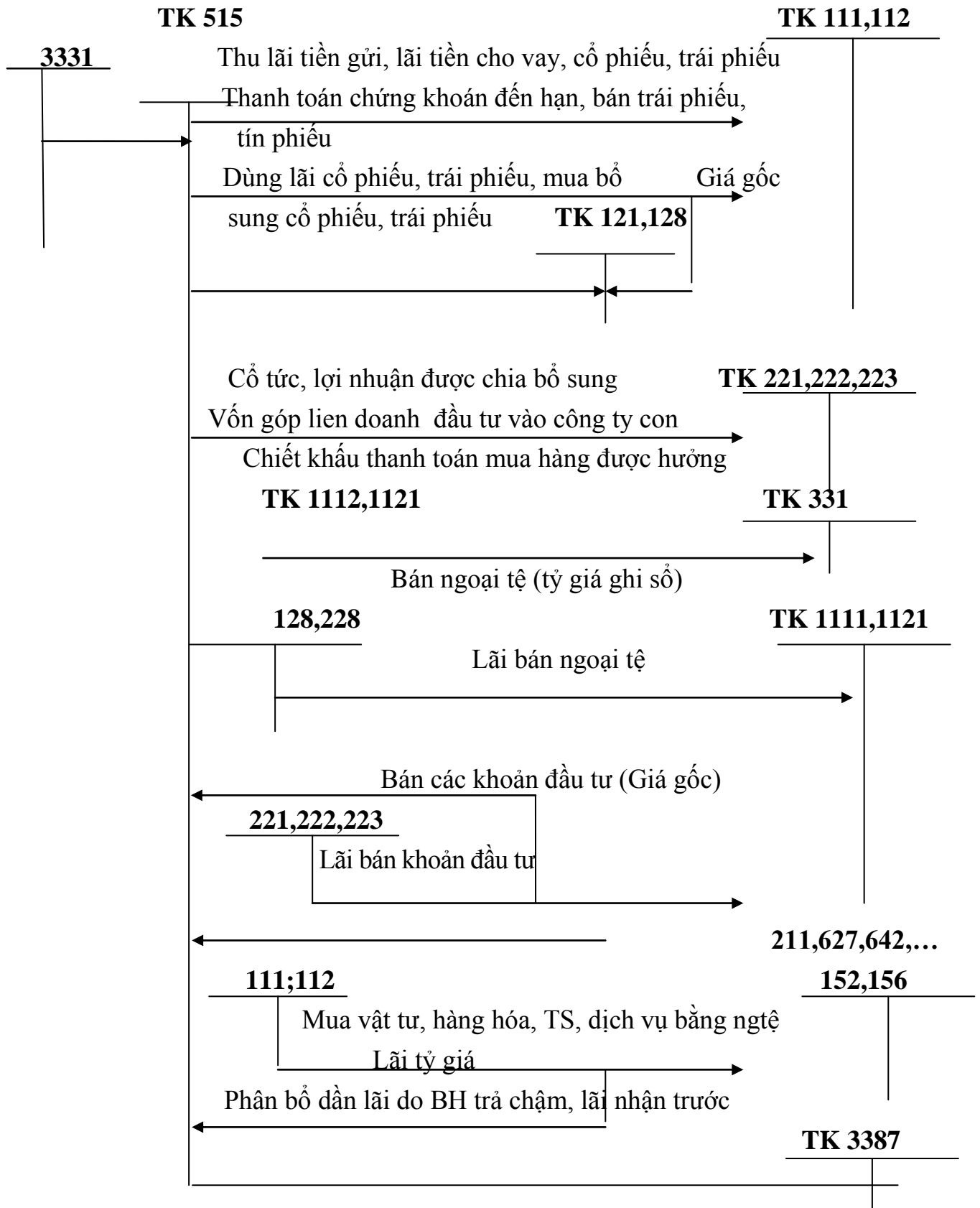
Sơ đồ 1.4

Kế toán doanh thu bán buôn vận chuyển thẳng.



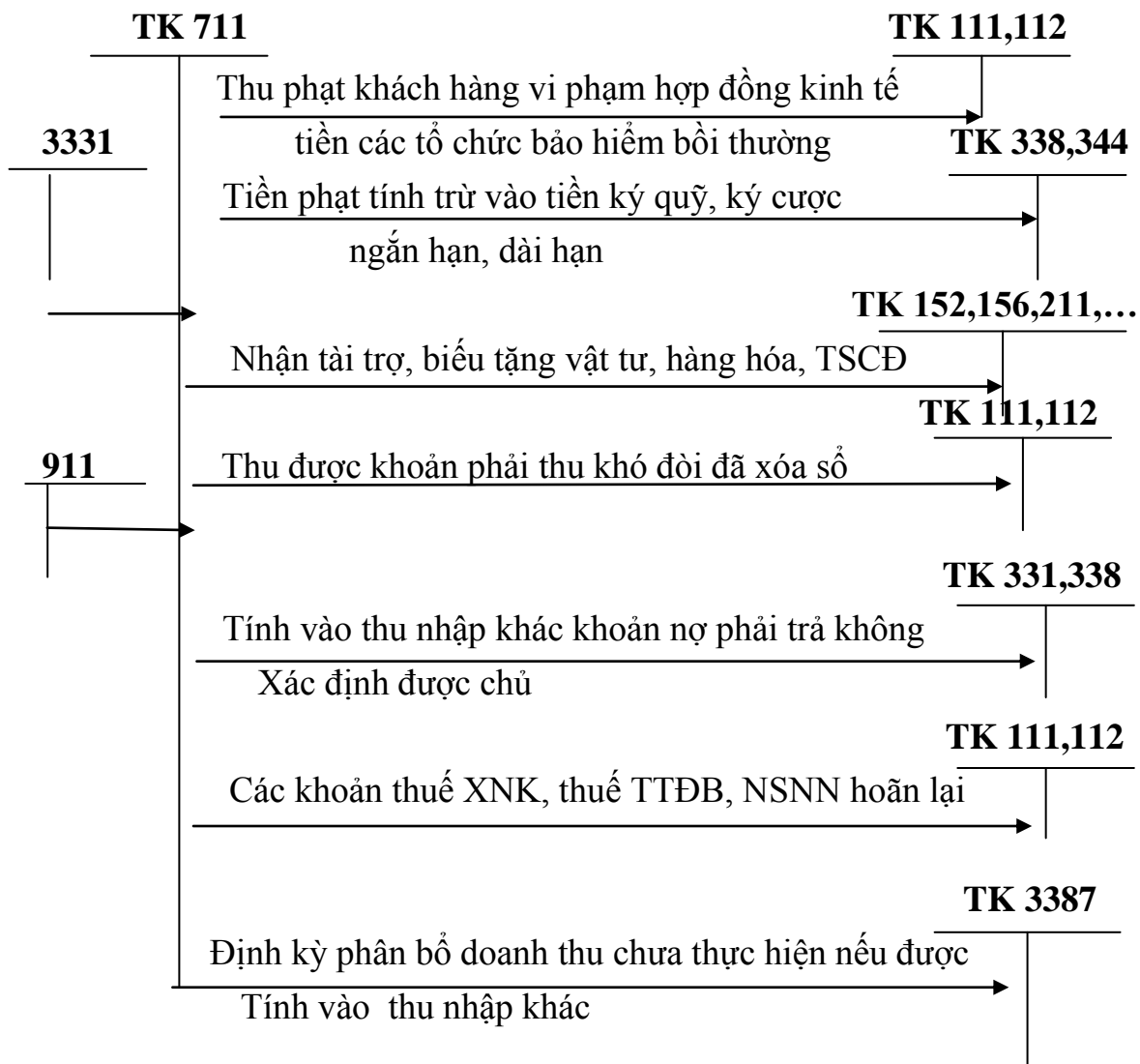
1.2.5.2. *Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính*

Sơ đồ 1.5: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.5.3. Kế toán tổng hợp doanh thu và thu nhập khác.

Sơ đồ 1.6: Kế toán tổng hợp doanh thu và thu nhập khác

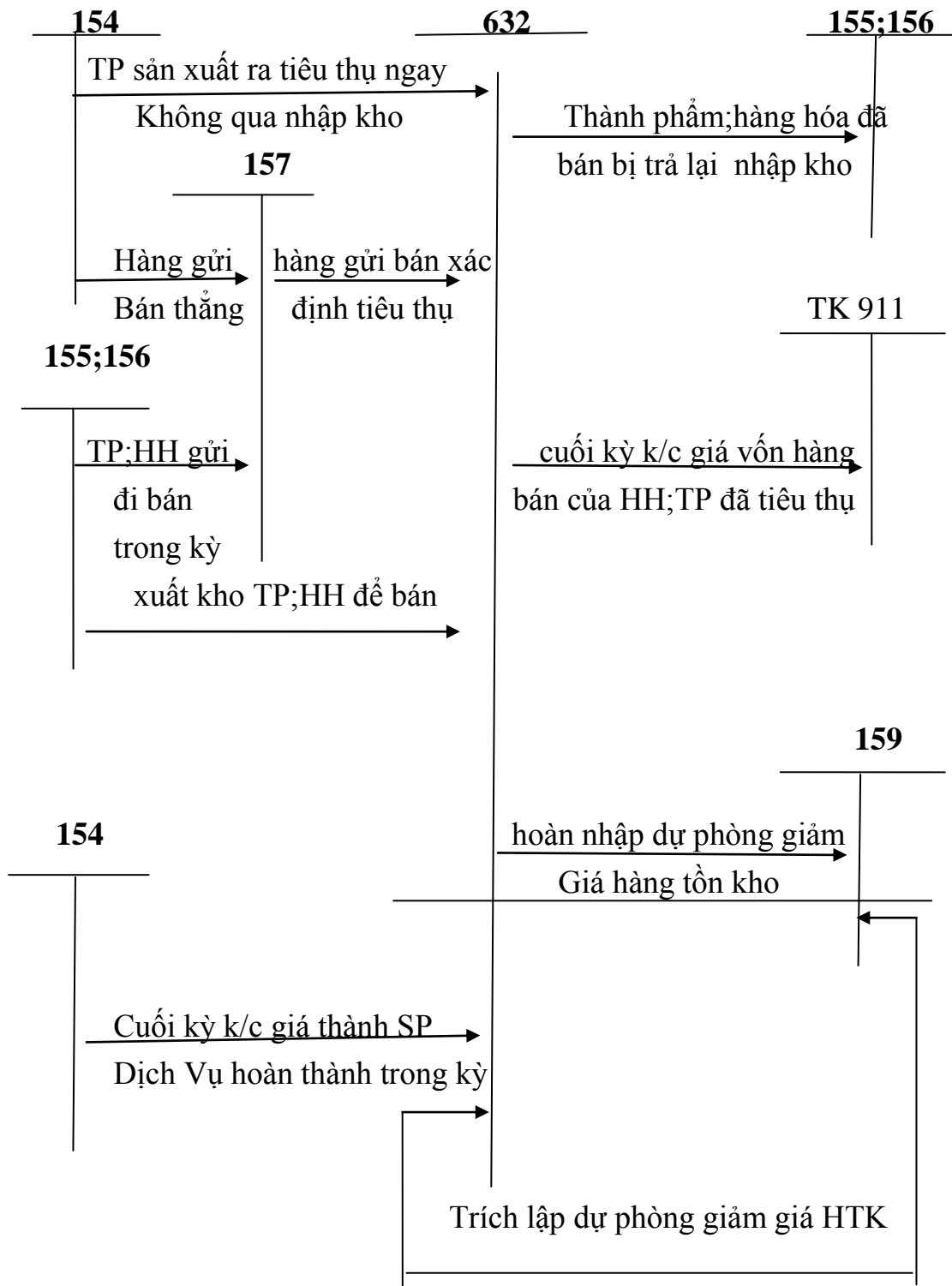


1.2.5.2. Kế toán tổng hợp chi phí

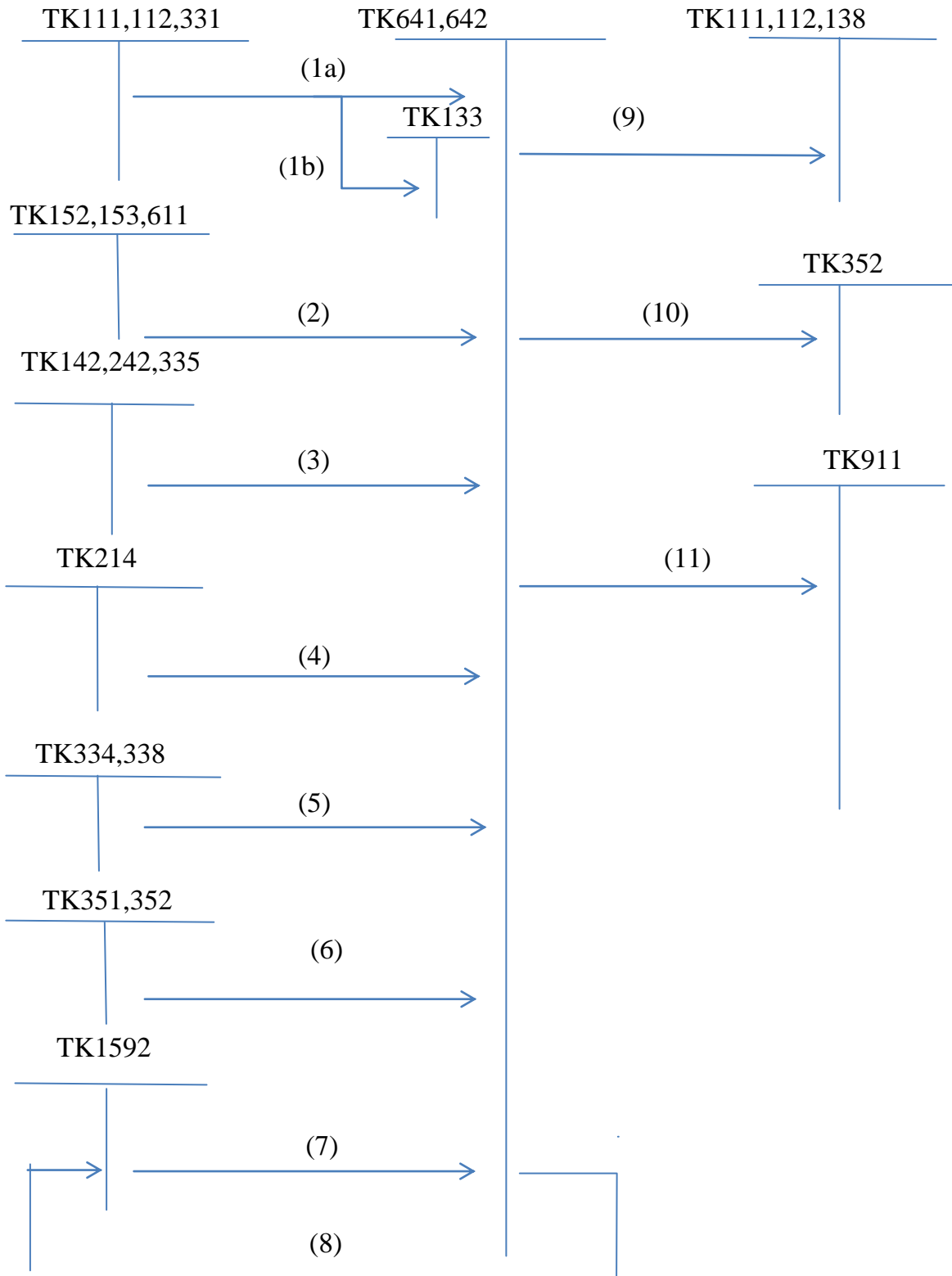
➤ Hạch toán giá vốn dịch vụ

Sơ đồ 1.7: sơ đồ hạch toán giá vốn

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

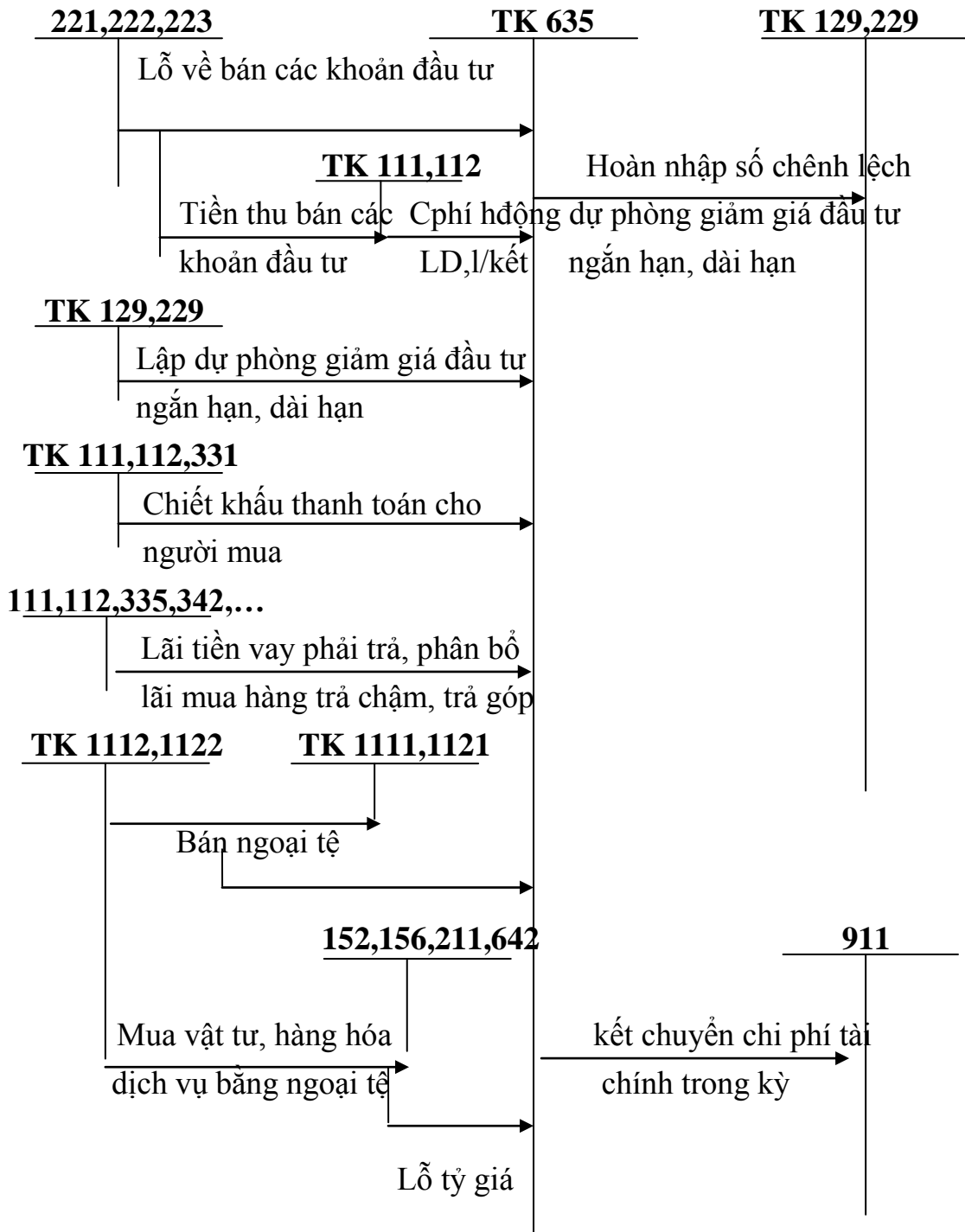


Chú thích sơ đồ:

- (1a) Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền
- (1b) Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- (2) Chi phí vật liệu, dụng cụ xuất dùng phục vụ cho bộ phận bán hàng, quản lý doanh nghiệp
- (3) Phân bổ dần hoặc trích trước vào chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh
- (4) Trích khấu hao tài sản cố định dùng cho bán hàng, quản lý doanh nghiệp
- (5) Tiền lương, phụ cấp, tiền ăn ca và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của bộ phận bán hàng, quản lý doanh nghiệp
- (6) Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, trích dự phòng phải trả
- (7) Trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi
- (8) Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi
- (9) Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- (10) Hoàn nhập dự phòng phải trả (bảo hành sản phẩm, tái cơ cấu doanh nghiệp)
- (11) Cuối kỳ, kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

➤ **Hạch toán chi phí tài chính**

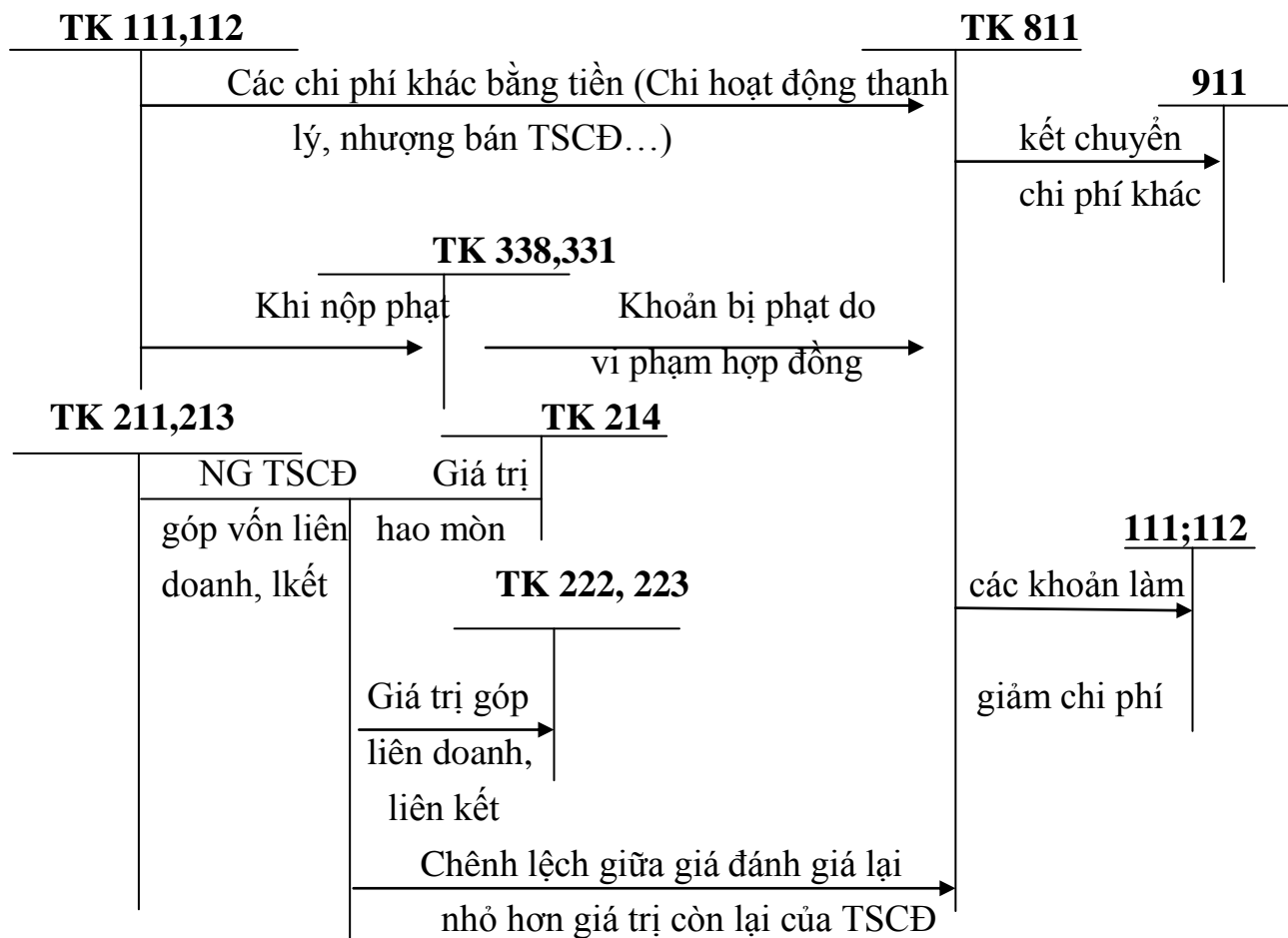
Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí tài chính



➤ **Hạch toán chi phí khác**

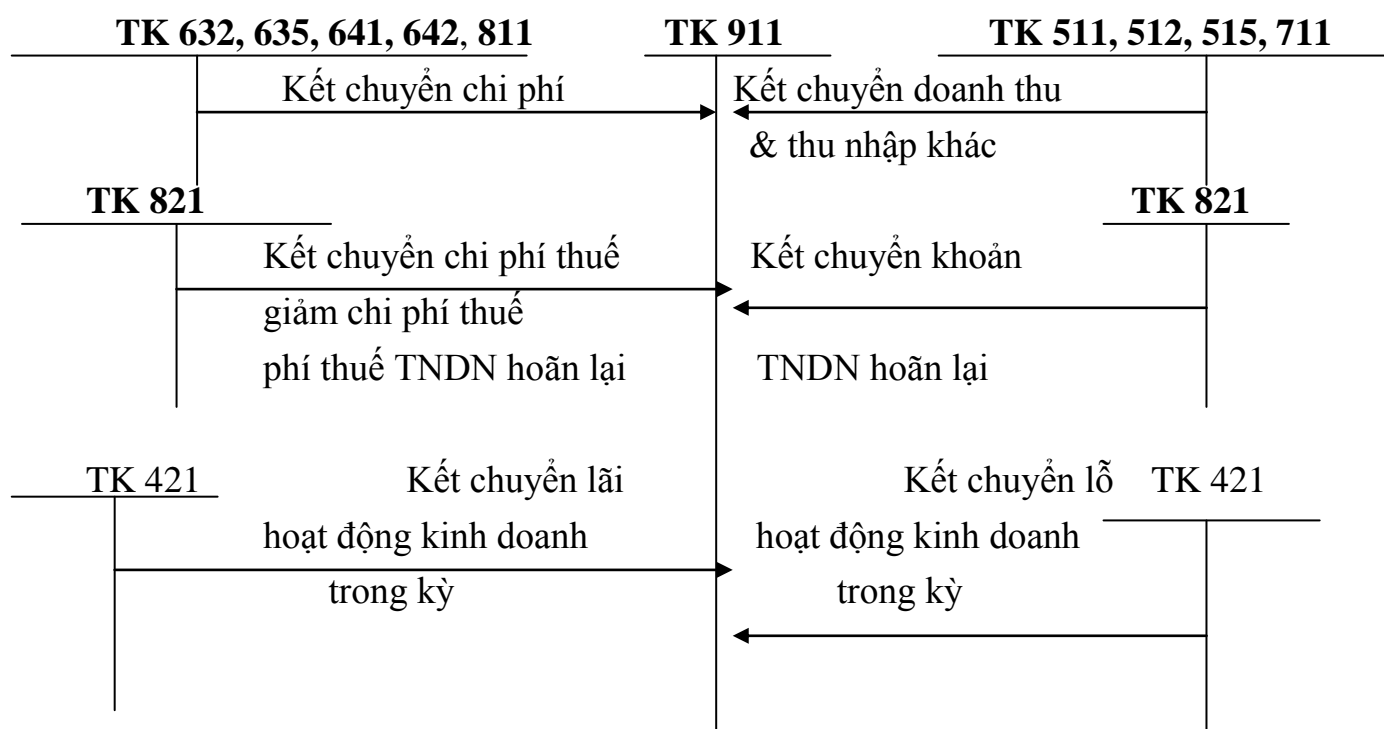
+ **Trình tự hạch toán**

Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí khác



1.2.5.3. Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ 1.12



1.2.6. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

-Hệ thống sổ kế toán:

Sổ kế toán là loại sổ sách dùng để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong từng thời kỳ kế toán và niên độ kế toán.

Sổ kế toán có hai loại:

+ Sổ kế toán tổng hợp: là sổ thường chỉ dùng chỉ tiêu giá trị để phản ánh một cách tổng quát các đối tượng cần theo dõi để lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo tổng hợp khác.

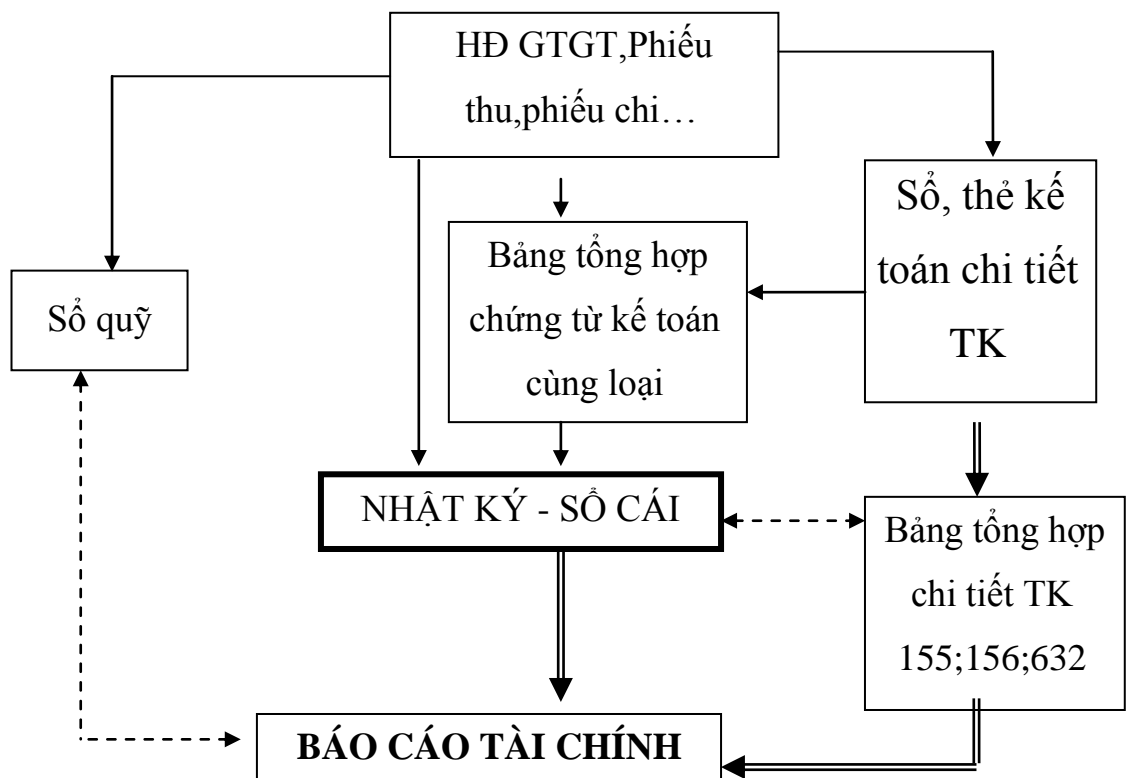
+ Sổ chi tiết: là sổ phân tích các loại tài sản hoặc nguồn vốn theo những yêu cầu quản lý khác nhau, như: chi tiết vật tư, hàng hóa, TSCĐ...Sổ này thường dùng chỉ tiêu giá trị và các chỉ tiêu khác như: số lượng, đơn giá...

Tổ chức sổ kế toán là việc kết hợp các loại sổ sách có kết cấu khác theo một trình tự hạch toán nhất . các doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng một trong các hình thức tổ chức sổ kế toán sau đây:

➤ **Hình thức nhật ký sổ cái**

- **Sổ kế toán sử dụng:**

- + Sổ kế toán tổng hợp: chỉ có một sổ kế toán tổng hợp duy nhất đó là Nhật ký - sổ cái cho tài khoản 511
- + Sổ kế toán chi tiết: sổ chi tiết thanh toán với người mua, sổ chi tiết sản phẩm hàng hóa



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

- Ghi hàng ngày* \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

➤ **Hình thức chứng từ ghi sổ**

- Sổ kế toán sử dụng :

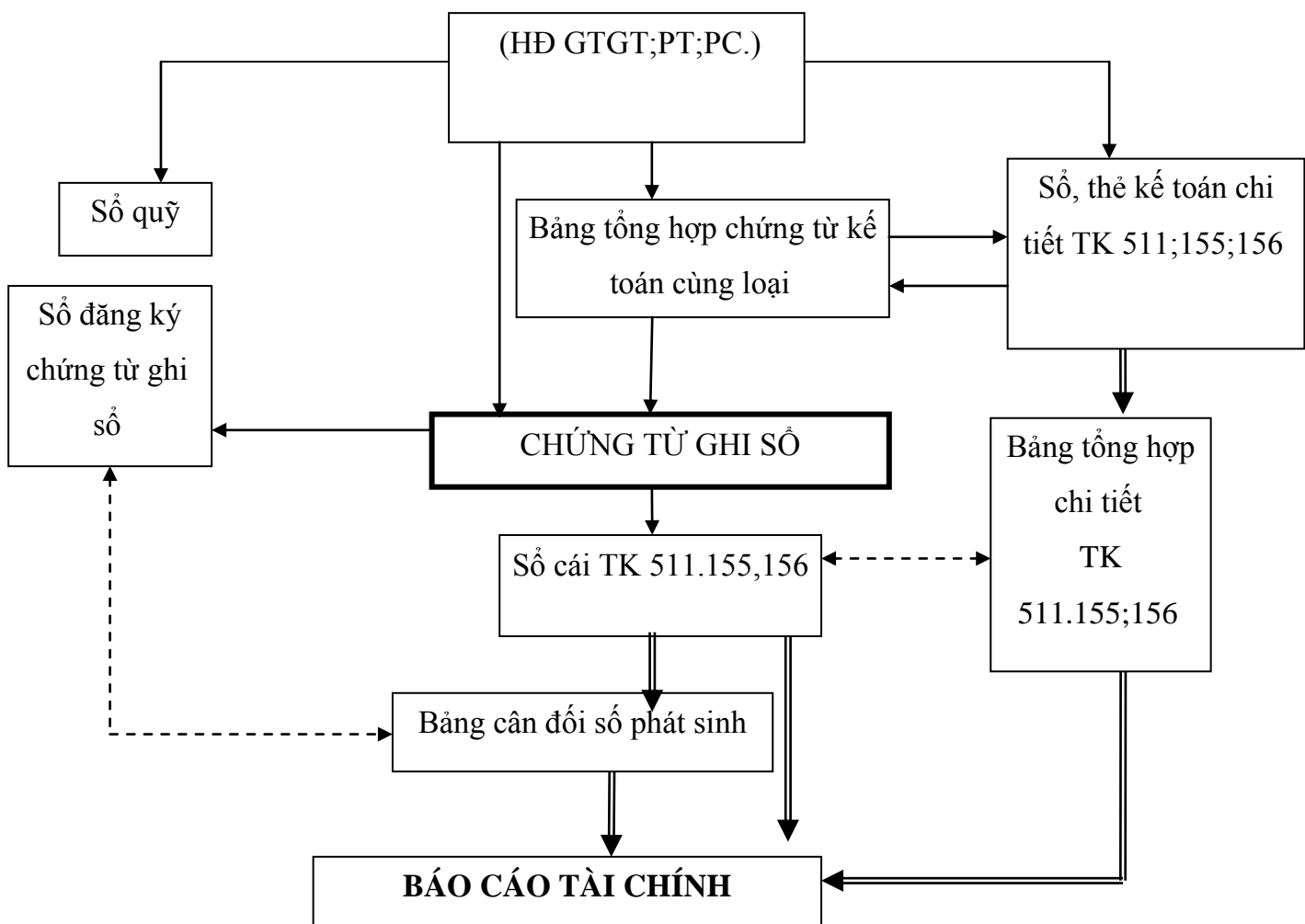
+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ kế toán tổng hợp: Bao gồm sổ cái các tài khoản và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Sổ cái: sổ cái các TK 511;155;156

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ: Là sổ ghi theo thời gian phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng .

+ Sổ kế toán chi tiết: Được mở để theo dõi chi tiết cho các đối tượng kế toán đã phản ánh trên sổ kế toán tổng hợp.



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

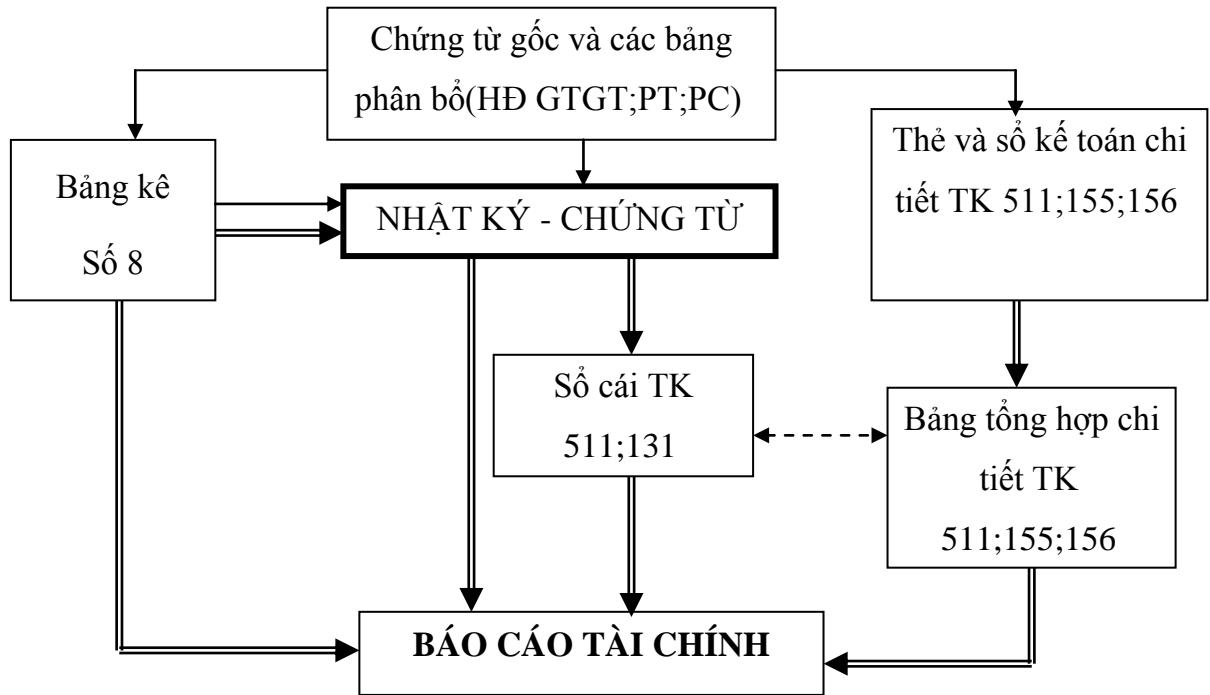
Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - - ->

Hình thức Nhật ký chứng từ

- **Sổ kế toán sử dụng:** bao gồm các Nhật ký- chứng từ, các bảng kê, sổ thẻ kế toán chi tiết và sổ cái



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng (định kỳ) \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

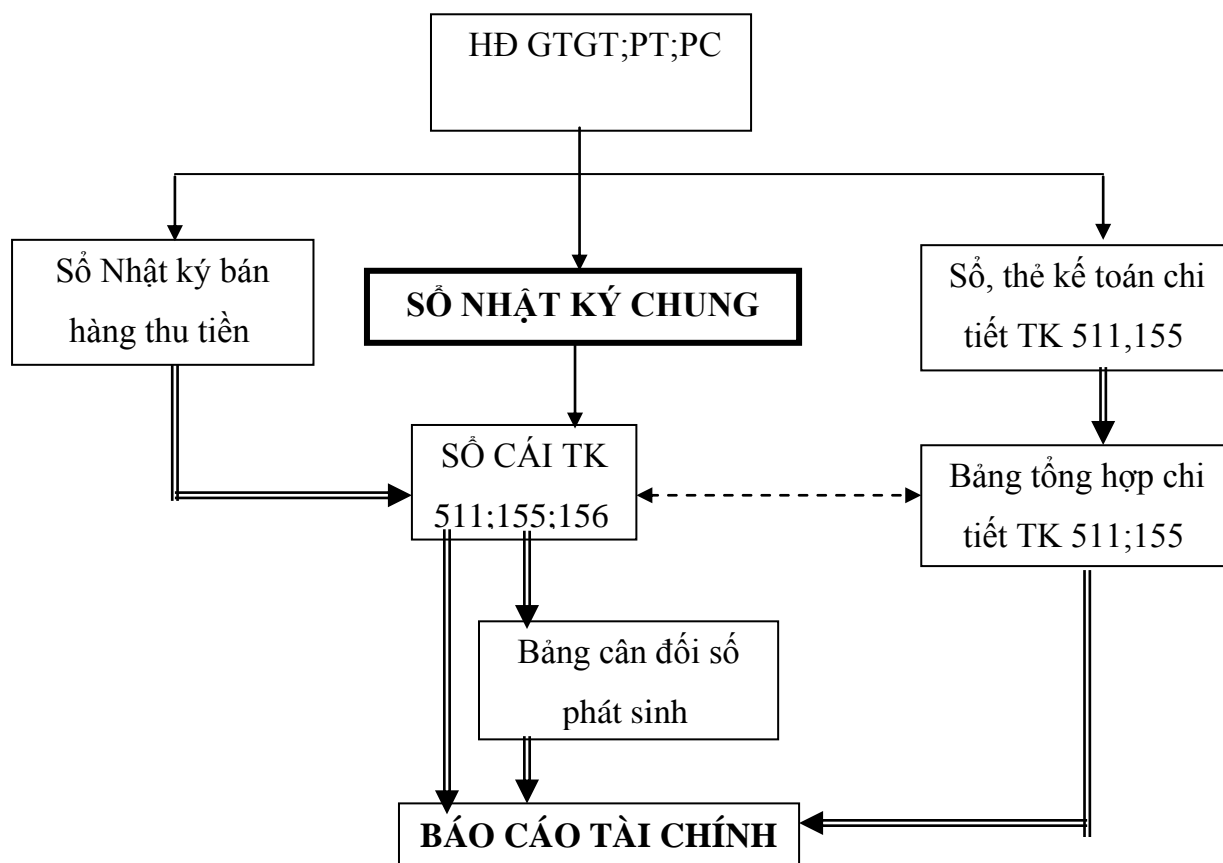
➤ **Hình thức Nhật ký chung**

- **Sổ kế toán sử dụng:**

+ *Nhật ký chung:*

+ *Nhật ký chuyên dùng:* sổ nhật ký thu tiền, sổ nhật ký chi tiền.....

+ *Sổ cái:* sổ Cái TK 511;155;156;131.....



Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

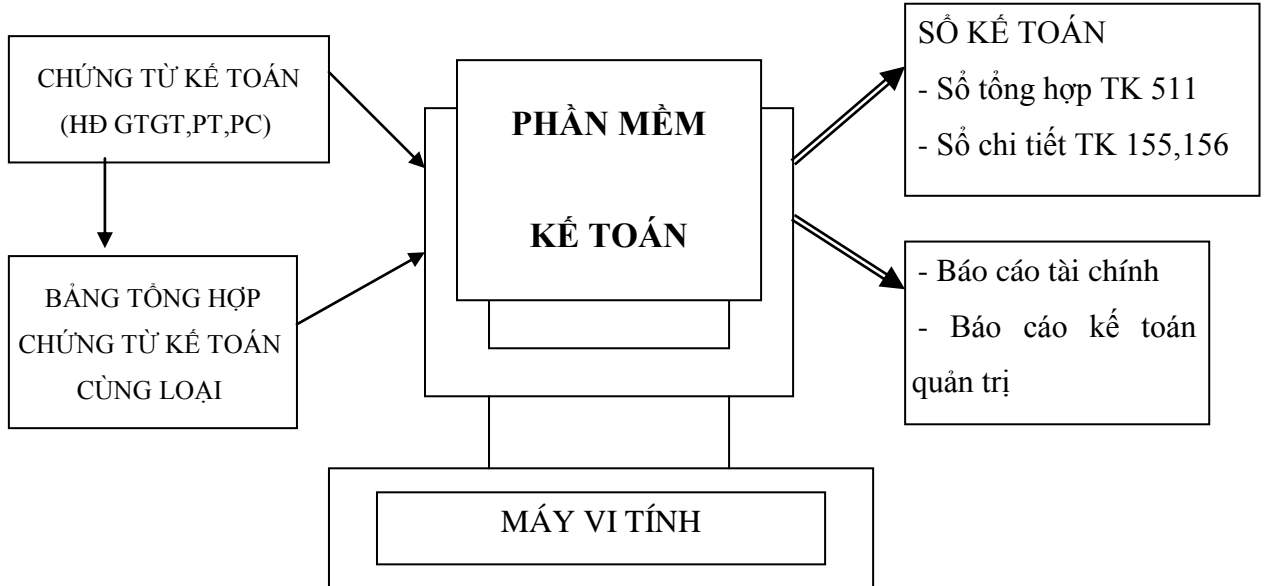
Ghi cuối tháng ==>

Quan hệ đối chiếu <- - - ->

➤ **Hình thức kế toán máy**

- **Sổ kế toán sử dụng:**

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH TM VT PHƯƠNG AN

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH TM VT Phương An

2.1.1. Sự hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM VT Phương An

Công ty TNHH TM VT Phương An được thành lập bởi giấy phép đăng ký kinh doanh số 0702000736 ngày 18 tháng 10 năm 2007 và chính thức đi vào hoạt động ngày 15 tháng 11 năm 2007 do ông Phan Ích Hồng làm giám đốc, trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty.

Tên giao dịch : **Công ty TNHH TM VT Phương An**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, Thủy Nguyên, HP

Điện Thoại : 0313972437

Mã số thuế : **0200765856**

Trải qua gần 10 năm hoạt động, công ty đã mở rộng quan hệ với mọi thành phần kinh tế, mở rộng các hình thức mua bán hàng hoá, ngoài hình thức mua đứt bán đoạn, công ty cũng nhận làm đại lý, nhận gửi hàng bán cho các đơn vị khác. Ngoài ra công ty cũng không ngừng nghiên cứu thị trường. Đẩy mạnh công tác bán hàng, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác.

Vốn điều lệ: **36.800.000.000**

Vốn pháp định: 36.800.000.000 đ

Hình thức hoạt động: Bán buôn, bán lẻ các thiết bị điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và dịch vụ lắp đặt các thiết bị điện

Tổng số nhân viên: 55 người

Là một doanh nghiệp có nền tảng kinh doanh, thương mại từ năm 2007, với chức năng chính là kinh doanh xăng dầu và các thiết bị điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, với đường lối lãnh đạo và sự lựa chọn đúng hướng, Công ty đang từng bước khẳng định đẳng cấp thương hiệu, chiếm lĩnh thị trường với các dòng sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp, kiểu dáng phong phú.

Với những thành tựu đã đạt được, Công ty vẫn không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

2.1.2. Đặc điểm ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH TM VT Phương An

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy, đường bộ ven biển và viễn dương
- Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm có liên quan
- Kinh doanh các loại mặt hàng phục vụ cho xây dựng và vận tải
- Các sản phẩm của công ty chủ yếu là :xăng dầu, sơn, véc ni, gạch ốp lát thiết bị vệ sinh, và tất cả các mặt hàng nội thất gia dụng

Nhận phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng cũng như thiết kế và xây dựng các công trình đường bộ ,phúc lợi ...

- Ngoài ra công ty còn nhận sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (ô tô ,mô tô, xe máy và các loại xe có động cơ khác)

-Hoạt động cấp tín dụng khác:dịch vụ cầm đồ,mua bán nhà đất...

- Kinh doanh, lắp đặt vật tư, thiết bị điện tử, điện lạnh

Chức năng, nhiệm vụ của công ty:

Chức năng chủ yếu của Công ty TNHH TM VT Phương An là kinh doanh xăng dầu ,bán lẻ, bán buôn các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng trong TP và các tỉnh lân cận, thông qua đó:

- Góp phần thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển
- Đảm bảo đời sống cho người lao động
- Tăng thu nhập cho Ngân sách Nhà nước.

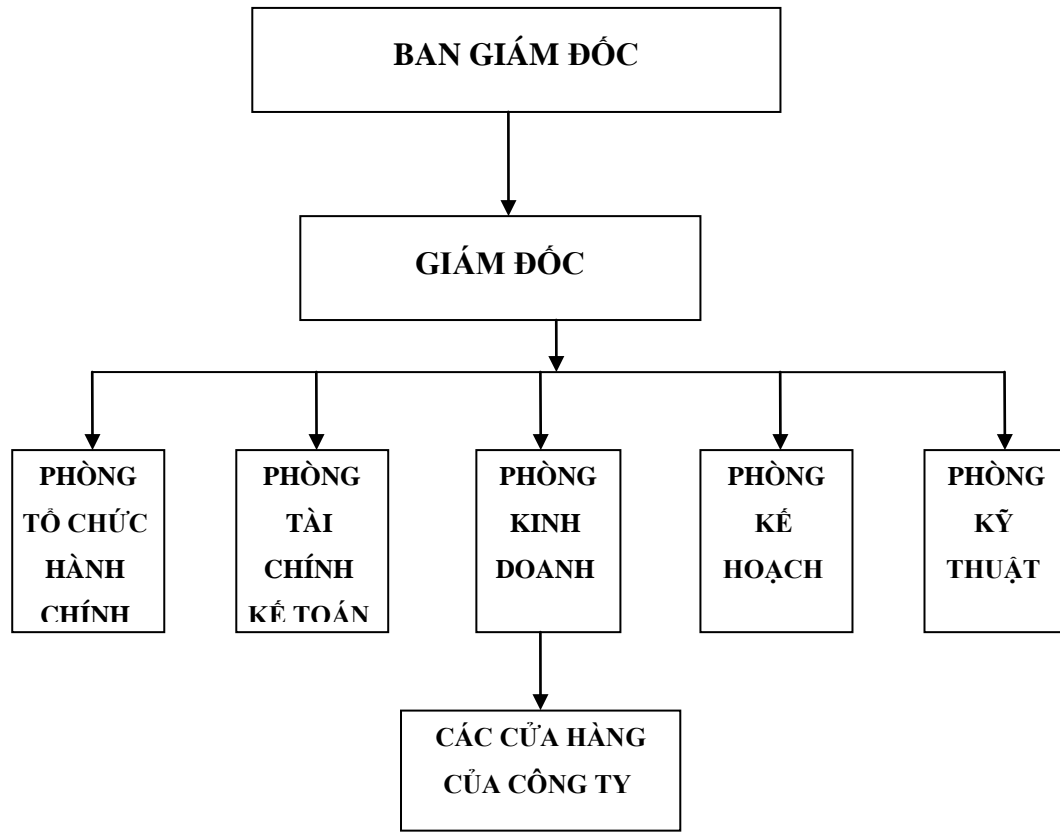
Trên cơ sở chức năng chủ yếu đó, Công ty có những nhiệm vụ chính sau:

- Tổ chức công tác mua hàng từ các cơ sở sản xuất
- Tổ chức bảo quản tốt hàng hoá đảm bảo cho lưu thông hàng hoá được thường xuyên liên tục và ổn định thị trường.
- Tổ chức bán buôn, bán lẻ hàng hoá cho các cơ sở sản xuất kinh doanh và các cá nhân trong nước.
- Tuân thủ các chế độ, chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước.

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM VT Phương An

Về bộ máy tổ chức, quản lý của công ty TNHH TM VT Phương An : quy mô quản lý gọn nhẹ, sắp xếp phù hợp, phát huy được khả năng của các thành viên trong công ty

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM VT Phương An.



Chức năng, quyền hạn của từng bộ phận:

Ban Giám đốc: gồm có Giám đốc và Phó Giám đốc. Trong đó Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm về mọi mặt, thay mặt cho Công ty trong các giao dịch thương mại, là người có quyền điều hành cao nhất trong Công ty. Ban Giám đốc Công ty có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Tiếp nhận vốn, sử dụng hiệu quả và phát triển vốn.
- Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty.
 - Xây dựng phương án, tổ chức bộ máy quản lý, điều chỉnh và phát triển bộ máy quản lý của Công ty.
 - Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước, phân phối lợi nhuận sau thuế.
 - Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phòng Tổ chức hành chính

- Thực hiện công tác tổ chức cán bộ (đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương...)
- Xây dựng đơn giá tiền lương, các nội quy, quy định, quy chế
- Giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động
- Công tác kỷ luật, thi đua khen thưởng
- Công tác hành chính văn thư, lưu trữ tài liệu
- Các công tác khác theo sự phân công lao động của lãnh đạo

Phòng Kinh doanh

- Triển khai các kế hoạch kinh doanh như: tiếp thị, xúc tiến thương mại và bán hàng theo kế hoạch của Công ty
- Tham mưu cho Ban giám đốc xây dựng các kế hoạch kinh doanh thông qua các hoạt động điều tra thị trường
- Báo cáo hoạt động kinh doanh và đệ trình kế hoạch kinh doanh cho Hội đồng thành viên và Ban giám đốc Công ty hàng kỳ, hàng tháng
- Phối hợp với phòng kỹ thuật để tiếp thu và giải quyết khiếu nại về khâu chất lượng của sản phẩm

Phòng Tài chính kế toán

- Kiểm soát hoạt động chi tiêu tài chính của Ban giám đốc công ty căn cứ trên các quy định, quy chế, định mức chi tiêu của công ty và dự án của công ty đã được Hội đồng thành viên thông qua
- Tổ chức ghi chép sổ sách, báo cáo kế hoạch theo quy định của pháp luật và quy chế Công ty
- Tham mưu trong kế hoạch lập kế hoạch tài chính năm
- Báo cáo về hoạt động chi tiêu tài chính và quyết toán thuế hàng năm theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước
- Báo cáo về hoạt động chi tiêu tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc công ty theo định kỳ hoặc bất cứ khi nào yêu cầu.

Phòng Kế hoạch

- Phòng kế hoạch có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực kế hoạch, kinh doanh, tiếp thị quảng cáo và ứng dụng công nghệ thông tin

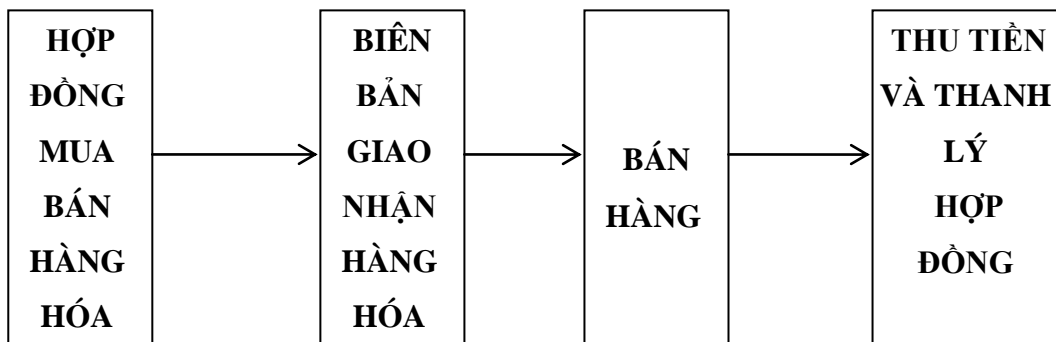
- Nghiên cứu, xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch kinh doanh hàng năm, hàng quý của Công ty
- Tổng hợp, phân tích và lập báo cáo tình hình hoạt động và tình hình kinh doanh tháng, quý, cả năm
- Thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin thị trường, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tiếp thị quảng cáo của Công ty

Phòng Kỹ thuật:

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng và chế độ bảo dưỡng sản phẩm
- Tổ chức kiểm tra các thông tin về thiết bị khi nhập khẩu, đủ tiêu chuẩn để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

➤ **Quy trình kinh doanh của công ty TNHH TM VT Phương An.**

Sơ đồ 2.2 : Quy trình kinh doanh của công ty TNHH TM VT Phương An.



Biểu 2.1: Các mặt hàng chủ yếu của công ty TNHH TM VT Phương An.

STT	Tên hàng hóa
1	Xăng không chì M95 M92
2	Dầu Diezen(Do)
3	Dầu hoả KO
4	Dầu Mazut (FO)
5	Ti vi smart TV
6	Tủ lạnh Hàn Quốc
7	Loa ,âm ni....
8

Biểu 2.2: Tình hình kinh doanh của Công ty năm 2011, 2012 và 2013

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tài sản ngắn hạn	19.514.280.587	21.903.178.197	25.374.549.206
2	Tài sản dài hạn	2.323.410.274	2.351.970.412	2.407.738.156
3	Nguồn vốn	21.837.690.861	24.310.916.353	27.726.519.616
4	Số lượng lao động	30	40	55
5	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.321.347.284	58.549.934.846	65.983.407.779
6	Giá vốn hàng bán	11.535.097.853	55.882.635.165	61.956.782.400
7	Doanh thu hoạt động tài chính	1.243.364	2.111.011	3.354.822
8	Chi phí tài chính	318.943.858	1.148.135.817	1.729.313.525
9	Chi phí quản lý kinh doanh	10.917.848	259.938.302	190.882.184
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	457.631.088	1.261.336.573	2.109.784.492
11	Chi phí thuế TNDN	114.407.772	315.334.143	527.446.123
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	343.223.316	946.002.429	1.582.338.369

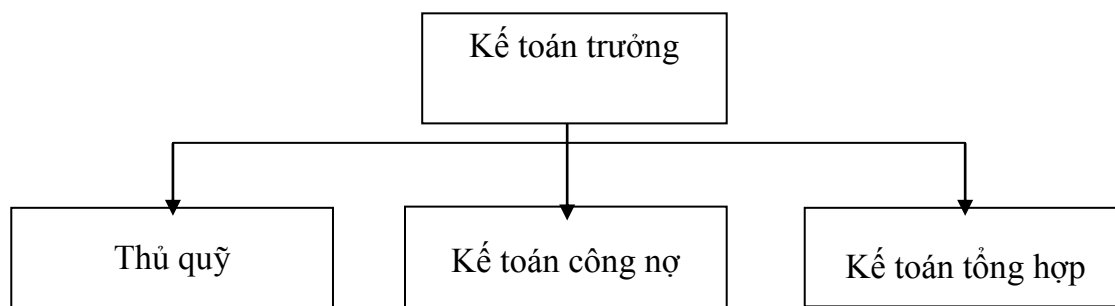
Qua bảng phân tích ta thấy: Công ty luôn làm ăn có lãi qua các năm và luôn bổ sung, phát triển nguồn vốn hoạt động. Công ty cũng không quên đầu tư, đổi mới các trang thiết bị phục vụ cho quá trình kinh doanh. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2012 so với năm 2011 tăng thêm 46.228.587.562 đồng, doanh thu năm 2013 so với năm 2012 tăng thêm 7.433.472.933 đồng. Có được kết quả đó là do Công ty đã thúc đẩy tiêu thụ, bán được thêm nhiều hàng hóa. Cụ thể: giá vốn hàng bán năm 2012 tăng so với năm 2011 là 44.347.537.312 giá vốn hàng bán năm 2013 so với năm 2012 tăng thêm 6.074.147.235 đồng Điều này chứng tỏ

uy tín của Công ty ngày càng được khẳng định, các mặt hàng Công ty bán ra được người tiêu dùng đón nhận theo chiều hướng tích cực. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2012 tăng so với năm 2011: 803.705.485 Năm 2013 lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng so với năm 2012 là 848.447.919 đồng chứng tỏ Công ty đang làm ăn có lãi và ngày càng phát triển, Công ty đang ngày càng khẳng định đẳng cấp thương hiệu, chiếm lĩnh thị trường với các dòng sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp, kiểu dáng phong phú.

2.2. Khái quát tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An.

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý của Công ty, Công ty TNHH TM VT Phương An tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, hầu hết mọi công việc kế toán được thực hiện ở phòng kế toán trung tâm, từ khâu thu thập kiểm tra chứng từ, ghi sổ đến khâu tổng hợp, lập báo cáo kế toán, từ kế toán chi tiết đến báo cáo tổng hợp...

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán trong Công ty TNHH TM VT Phương An



Tại phòng kế toán, mọi nhân viên kế toán đều làm việc dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng. Bộ máy kế toán của Công ty được bố trí 6 nhân viên có trình độ đại học, nắm vững nghiệp vụ chuyên môn.

Kế toán trưởng: Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, NVL, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có

thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc

Kế toán công nợ: Có nhiệm vụ theo dõi và hạch toán tình hình thanh toán của khách hàng và tình hình thanh toán của Công ty với các nhà cung cấp. Đồng thời theo dõi và hạch toán việc chi trả lương và các khoản khác cho người lao động.

Thủ quỹ: Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ tthu và các chứng từ chi, giấy tạm ứng... lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định

2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán của công ty TNHH TM VT Phương An.

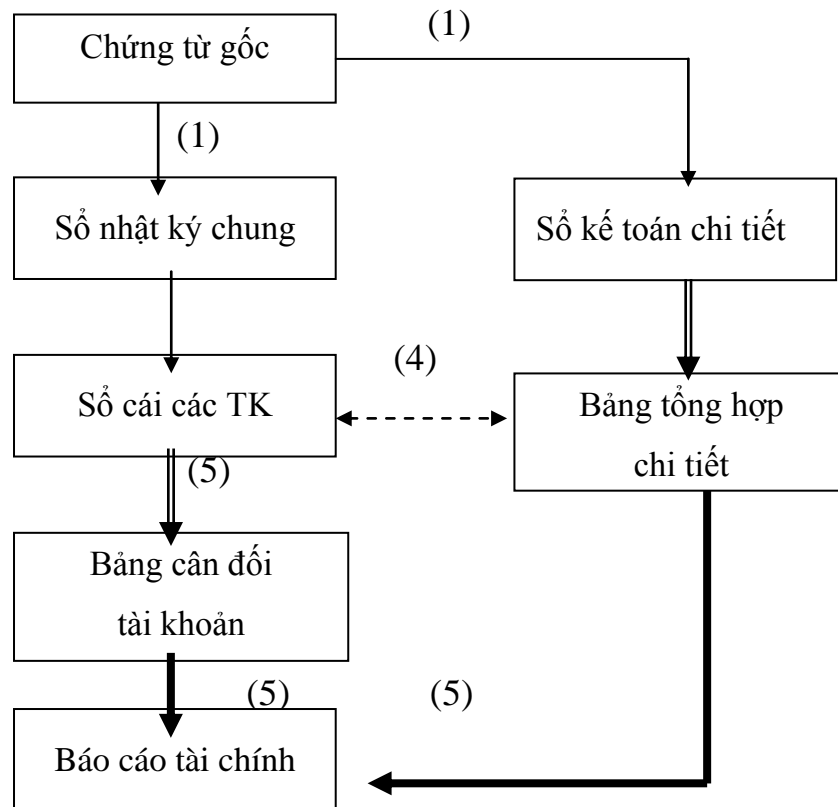
2.2.2.1. Hình thức kế toán

Hiện nay công ty TNHH TMVT Phương An áp dụng hình thức **Nhật ký chung (không mở sổ Nhật ký đặc biệt)** để thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin liên quan đến chỉ tiêu kinh tế- tài chính phục vụ cho việc thiết lập các báo cáo tài chính và ra các quyết định.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra, kế toán trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung, đồng thời với việc ghi sổ **Nhật ký chung**, kế toán cũng phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, kế toán cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh, lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết sẽ lập Báo cáo tài chính

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH TM VT Phương An



Ghi chú:

→ : Ghi hàng ngày

⇒ : Ghi cuối tháng

➔ : Ghi cuối năm

↔ : Đối chiếu, kiểm tra

2.2.2.2. Sổ kế toán sử dụng.

Với việc áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung, công ty TNHH TMVT Phương An sử dụng các sổ tổng hợp và sổ chi tiết sau:

Sổ tổng hợp: là sổ thường chỉ dùng chỉ tiêu giá trị để phản ánh một cách tổng quát các đối tượng cần theo dõi để lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo tổng hợp khác.

Sổ Nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được kế toán ghi chép theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ này.

Sổ Cái: là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong niên độ kế toán, mỗi tài khoản được mở trên một trang sổ riêng.

Công ty sử dụng Sổ cái TK 111, 112, 131, 133, 151, 156, 331, 511, 632, 911...

Sổ tổng hợp chi tiết:

- Sổ tổng hợp chi tiết hàng hóa: để tổng hợp phần giá trị từ các trang sổ, thẻ chi tiết hàng hóa nhằm đối chiếu với số liệu TK 156 trên Sổ cái.
- Sổ tổng hợp thanh toán với khách hàng: để tổng hợp phần giá trị từ các sổ chi tiết thanh toán với người mua nhằm đối chiếu với số liệu TK 131 trên Sổ cái.
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán: để tổng hợp phần giá trị từ các sổ chi tiết thanh toán với người bán nhằm đối chiếu với số liệu TK 331 trên Sổ cái.

Ngoài ra Công ty còn sử dụng một số Sổ tổng hợp khác, như: Sổ tổng hợp chi tiết bán hàng, Sổ TSCĐ...

Sổ chi tiết: là sổ phân tích các loại tài sản hoặc nguồn vốn theo những yêu cầu quản lý khác nhau, như: chi tiết vật tư, hàng hóa, TSCĐ... Sổ này thường dùng chỉ tiêu giá trị và các chỉ tiêu khác như: số lượng, đơn giá...

Công ty sử dụng các sổ chi tiết sau:

- Sổ chi tiết hàng hóa
- Thẻ kho
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- Thẻ TSCĐ
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết quỹ tiền mặt

2.2.2.3. Chế độ, chính sách kế toán Công ty đang áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo **quyết định số 48/2006/QĐ-BTC** ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01...đến ngày 31/12...
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)
- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung (Không mở sổ Nhật ký đặc biệt)
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.
- Tính giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Tính và trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

2.2.2.4. Chứng từ sử dụng

Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- Bảng kê chi tiền
- Bảng chấm công, bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, giấy chứng nhận nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội
- Biên bản giao nhận TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

2.2.2.5. Hệ thống báo cáo tài chính

Công ty áp dụng hệ thống báo cáo tài chính đúng mẫu biểu về chế độ kế toán hiện hành của Bộ tài chính. Việc lập báo cáo được kế toán công ty vận dụng một cách khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà nước đồng thời phù hợp đặc thù kinh doanh của công ty .

- Bảng cân đối kế toán (mẫu B01 – DNN)
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu B02 – DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu B03 – DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu B09 – DNN).

2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMVT Phương An .

2.3.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMVT Phương An .

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- **Niên độ kế toán:** bắt đầu từ ngày 01/01...đến ngày 31/12...

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán:** Việt Nam đồng (VNĐ)
- **Hình thức kế toán:** Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung (Không mở sổ Nhật ký đặc biệt)
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
 - + Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.
 - + Tính giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.
 - + Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính và trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước:
 - + kiểm tra chứng từ: xác định chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ. trung thực đúng chế độ kế toán
 - + hoàn chỉnh chứng từ: ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền số thực xuấttổng hợp số liệu. lập và định khoản kế toán.
 - + luân chuyển chứng từ: tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán kịp thời và chính xác.
 - + lưu trữ chứng từ: bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

2.3.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An.

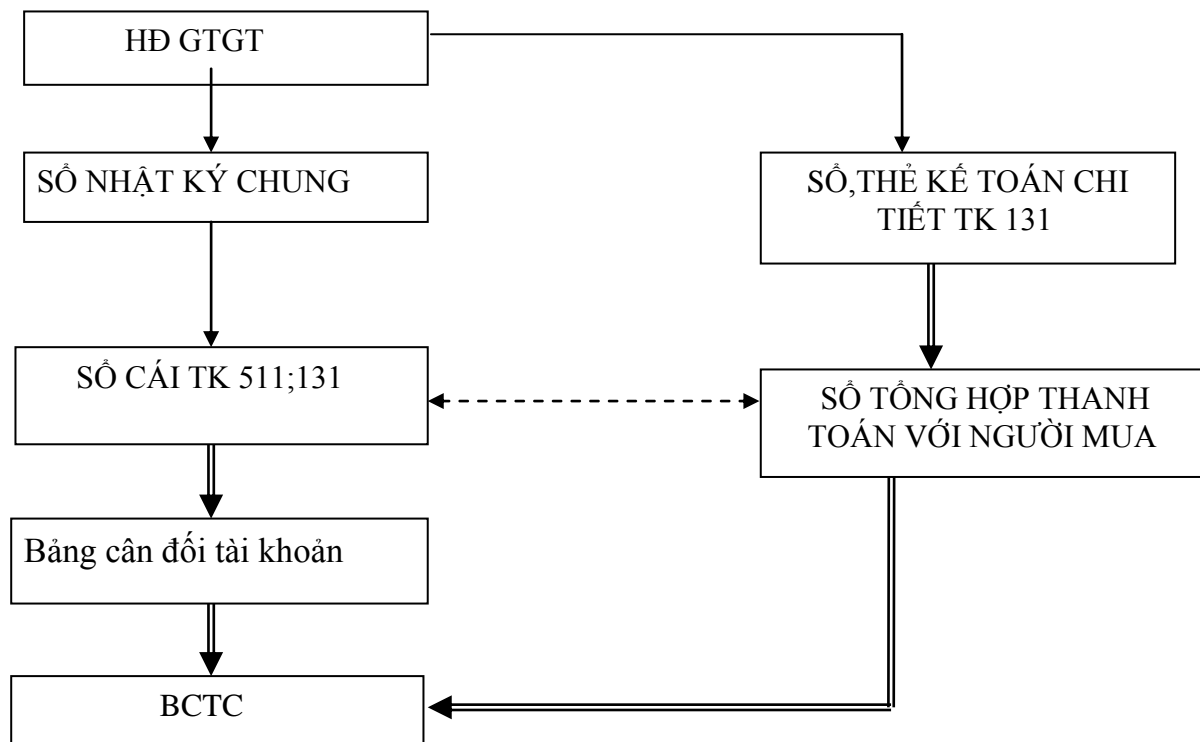
2.3.2.1. chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu bán hàng

- Hóa đơn giá trị gia tăng -phiếu thu
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa -phiếu chi.

➤ **Quy trình hạch toán**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng cho các mặt hàng tiêu thụ. Trường hợp mua hàng trả tiền ngay, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT và các chứng từ ghi giảm doanh thu (nếu có), lập sổ chi tiết bán hàng và vào sổ Nhật ký chung. Sổ chi tiết bán hàng dùng để theo dõi chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Nếu trong trường hợp khách hàng chưa thanh toán, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT vào sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua và sổ Nhật ký chung. Từ đó kế toán vào sổ Cái TK 131. Cuối tháng tiến hành đối chiếu giữa sổ cái TK 131 và sổ tổng hợp thanh toán với người mua

Sơ đồ 2.5 Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra.

Ví dụ:

Tháng 8/2013 Công ty phát sinh một số nghiệp vụ mua bán hàng hóa. Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán tiến hành ghi vào sổ NKC, từ Sổ Nhật ký chung vào sổ cái 511, Sổ cái TK 333, Sổ cái TK131, Căn cứ vào hoá đơn bán hàng tiến hành theo dõi các khoản nợ phải thu trên sổ chi tiết 131.

-Ngày 10/8/2013 bán lẻ hàng hóa theo HD số 0027840 thanh toán ngay bằng tiền mặt.

-Ngày 11/8/2013 bán hàng cho công ty cổ phần và phát triển Thiên An Thuận Yên theo hợp đồng số 0027842 chưa thanh toán.

-Ngày 11/8/2013 bán hàng cho công ty TNHH Ích Tâm theo hợp đồng số 0027843 thanh toán ngay bằng tiền mặt.

- Ngày 11/8/2013 bán hàng cho công ty Phương Thoa theo hợp đồng số 0027844 chưa thanh toán

- Ngày 11/8/2013 bán hàng cho công ty Duy Anh theo hợp đồng số 0027845 chưa thanh toán
- Ngày 25/8/2013 thu tiền lãi Ngân Hàng An Bình số tiền 17.800.000
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:
 - Ngày 29/8/2013 công ty cổ phần và phát triển thuần yện trả lại Dầu Do do không đạt tiêu chuẩn

Biểu số 2.3: hóa đơn GTGT

Công ty TNHH TM VT Phương An	Mẫu số: 01GTKT-3LL- 01														
	Ký hiệu: 01AA/ 13P 0027840														
HOÁ ĐƠN GTGT Liên 1 Ngày 10/8/2013															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM VT Phương An															
Địa chỉ : Đường Hương, Lập Lễ, Thủy Nguyên, Hải Phòng.															
Điện thoại : 031.3972.437 MS:															
<table border="1" style="margin: auto;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">2</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">6</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">8</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">6</td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table>		0	2	0	0	7	6	5	8	5	6				
0	2	0	0	7	6	5	8	5	6						
Họ tên người mua hàng : Phạm Dương Khánh															
Địa chỉ : Số 44 Đường Năng-Núi Đèo-TN-HP															
Hình thức thanh toán : Tiền mặt MS:															
<table border="1" style="margin: auto;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">1</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">0</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">3</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">5</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">3</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">4</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">7</td> <td style="width: 20px; height: 20px;">2</td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table>		0	1	0	0	3	5	3	4	7	2				
0	1	0	0	3	5	3	4	7	2						
ST	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
T															
1	Loa AR 2AX	Chiếc	3	3.500.000	10.500.000										
	Cộng tiền hàng				10.500.000										
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 1.050.000											
Tổng cộng tiền				11.550.000											
Số tiền viết bằng chữ : Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.															
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)											
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)															

Biểu số 2.4: Bán chịu hàng hóa trong thời gian cho phép

Mẫu số: 01GTKT-3LL																			
01 AA/13P																			
0027842																			
HOÁ ĐƠN GTGT																			
Liên 1: Lưu																			
Ngày 11/8/2013																			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM VT Phương An.																			
Địa chỉ : Đường Hương, Lập Lễ, Thủy Nguyên, Hải Phòng.																			
Điện thoại : 0313972437 MS:																			
<table style="margin: auto; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">0</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">2</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">0</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">0</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">7</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">6</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">5</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">8</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">5</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">6</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;"> </td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;"> </td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;"> </td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;"> </td> </tr> </table>						0	2	0	0	7	6	5	8	5	6				
0	2	0	0	7	6	5	8	5	6										
Họ tên người mua hàng: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thuận Yên																			
Địa chỉ : Thiên Hương, Thủy Nguyên, Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán : bán chịu MS:																			
<table style="margin: auto; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">0</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">7</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">0</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">2</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">4</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">4</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">2</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">6</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">2</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;">1</td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;"> </td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;"> </td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;"> </td> <td style="border: 1px solid black; padding: 2px 5px;"> </td> </tr> </table>						0	7	0	2	4	4	2	6	2	1				
0	7	0	2	4	4	2	6	2	1										
ST T	Tên hàng hoá	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền														
01	Xăng A92	lít	1000	19.800	19.800.000														
02	Xăng A95	lít	500	19.840	9.920.000														
03	Dầu DO	lít	560	17.586	9.848.200														
04	Dầu hỏa	lít	70	15.675	1.097.300														
	Tổng cộng				40.665.500														
Thuế GTGT: 10%																			
Tiền thuế GTGT: 4.066.550																			
Tổng cộng tiền thanh toán: 44.732.050																			
Số tiền viết bằng: <i>bốn mươi tư triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm mươi đồng chẵn</i>																			
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Thủ trưởng đơn vị															
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>																			
<i>(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)</i>																			

Biểu số 2.5 : hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 1:Lưu

KH: 01AA/13P

Ngày 11/8/2013

HD: 0027843

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TMVT Phương An.

Địa chỉ :Thôn Đường Hương,xã Lập Lễ,Thủy Nguyên,HP

Điện thoại

MS:

0 2 0 2 7 6 5 8 5 6

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Ích Tâm

Địa chỉ : Ngô Quyền – Hải Phòng

Hình thức thanh toán : Tiền mặt MS:

0 6 0 8 3 6 6 4 7 1

ST T	Tên hàng hoá	Đơn vị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Loa RX 350	chiếc	10	3.500.000	35.000.000
2	Loa RX AA 56	chiếc	5	4.500.000	22.500.000
3	Âm ni 100K	chiếc	8	2.900.000	23.200.000
4	Máy phát 1000 kW	chiế c	2	8.650.000	17.300.000
5	Dầu DO	lít	500	17.586	8.793.000
6	Xăng A95	lít	400	19.840	7.936.000
7	Xăng A92	lít	200	19.800	3.960.000
8	Dầu Mazut	lít	400	17.650	7.060.000
	Tổng cộng				125.749.000
Thuế GTGT 10%		Tiền thuế GTGT:		12.574.900	
Tổng cộng tiền thanh toán :				138.323.900 đ	
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn chín trăm đồng chẵn</i>					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Giám đốc	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

Đơn vị : Công ty TNHH TNHH TMVT Phương An.

Địa chỉ : Thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, Thủy Nguyên, HP

Mẫu số 01-TT

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày 11 tháng 8 năm 2013

Số 484

Nợ TK: 111

Có TK: 511, 3331

Họ tên người nộp tiền: C.Ty THHH Ích Tâm

Địa chỉ : Ngô Quyền- Hải Phòng

Lý do nộp : Mua hàng hoá tại C.Ty TNHH TMVT Phương An.

Số tiền: 138.323.900 đồng (viết bằng chữ): *Một trăm ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn chín trăm đồng chẵn*

Kèm theo 02 chứng từ gốc : 01 phiếu xuất kho và 01 hóa đơn GTGT

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An

Biểu số 2.6: bảng kê bán lẻ hàng hóa

BẢNG KÊ BÁN LẺ HÀNG HÓA

Tháng 8 Năm 2013

Ngày tháng	Tên hàng bán	Giá vốn	Giá bán	Số lượng	Thành tiền	
1/8	Loa máy tính RX 320	3.000.000	3.500.000	4	12.000.000	14.000.000
2/8	Loa mini 126W	1.100.000	1.300.000	2	2.200.000	2.600.000
12/8	Âm ni XX 260G	450.000	500.000	4	1.800.000	2.000.000
19/8	Điều hòa 458GA	6.000.000	6.400.000	3	18.000.000	19.200.000
27/8	Máy phát 22HG	10.450.000	11.000.000	1	10.450.000	11.000.000
28/8	Loa RX 322	3.800.000	4.000.000	2	7.600.000	8.000.000
28/8	Máy điều hòa	4.800.000	4.900.000	1	4.800.000	4.900.000
28/8	Xăng A95	18.680	19.840	400	7.472.000	7.936.000
28/8	Dầu Mazut	16.500	17.650	300	4.950.000	5.295.000
.....						
29/8	Xăng A92	18.450	19.800	500	9.225.000	9.900.000
30/8	Quạt thông gió AK 56	2.100.000	2.200.000	2	4.200.000	4.400.000
30/8	Loa RX 320	3.000.000	3.500.000	2	6.000.000	7.000.000
.....						
	Tổng cộng	Giá gốc	Giá bán		288.697.000	296.321.000

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)

Biểu số 2.7: sổ chi tiết thanh toán với người mua

Căn cứ Hóa đơn GTGT, phiếu thu... KT vào sổ chi tiết thanh toán với người mua:

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 8

Tài khoản: 131 (Trích)

Đối tượng: C.Ty Cổ Phần và phát triển Thuận Yên Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				45.000.000	
			Số phát sinh tháng					
11/8	0027842	11/8	Doanh thu bán hàng	511	40.665.500		85.665.500	
			Thuế GTGT phải nộp	3331	4.066.500		89.732.000	
29/8	0027847	29/8	Doanh thu hàng bán bị trả lại	531		1.097.300	88.634.700	
			Thuế GTGT hàng bán bị trả lại	3331		109.730	88.524.970	
.....		
			Cộng số phát sinh tháng		44.732.050	1.207.030		
			Số dư cuối tháng				88.524.970	

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/8/2013

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)

Biểu số 2.8: sổ tổng hợp thanh toán với người mua

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 8

Tài khoản: 131 (Trích)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên Khách Hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	có	Nợ	có
1	Công ty cổ phần và phát triển Thuận Yên	45.000.000		44.732.050	1.207.030	88.524.970	
2	Công ty TNHH Phương Thoa	80.000.000		22.000.000		102.000.000	
3	Công ty Cổ phần Duy Anh	37.000.000		36.300.000		73.300.000	
	
....							
	Cộng	221.000.000		186.900.000	1.207.030	406.692.970	

Ngày 30 Tháng 8 Năm 2013

Người lập
(ký,tên)

kế toán trưởng.

(ký,họ tên)

Biểu số 2.9: sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH TM VT

Phương An

Mẫu số: S03a- DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 8/2013 (Trích)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đôi ứng	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
		
10/8	0027840	10/8	Bán lẻ hàng hóa thu tiền ngay		47	111	11.550.000	
						511		10.500.000
						3331		1.050.000
11/8	0027842	11/8	Bán hàng cho công ty cổ phần và phát triển Thuận Yên		48	131	44.732.500	
						511		40.665.500
						3331		4.066.500
11/8	0027843	11/8	Bán hàng cho công ty TNHH Ích Tâm		49	111	128.323.900	

Khóa luận tốt nghiệp

					511		125.749.000
					3331		12.574.900
11/8	0027844	11/8	Bán hàng cho công ty Phương Thoa	50	131	22.000.000	
					511		20.000.000
					3331		2.000.000
21/8	0027845	11/8	Bán hàng cho công ty Duy Anh	51	131	36.300.000	
					511		33.000.000
					3331		3.300.000
25/8		25/8	Thu tiền lãi từ ngân hàng	52	112	17.800.000	
					515		17.800.000
29/8	0027847	29/8	Công ty cổ phần và phát triển Thuận Yến trả lại hàng	54	531	1.097.030	
					3331	109.703	
					131		1.207.030
		
			Cộng chuyển sang trang sau			324.203.030	324.203.030

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)

Biểu số 2.10: sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH TM VT Phương An

Địa chỉ: Thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, Thủy Nguyên, HP

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Xăng A95

Tháng 8 (Trích)

Đơn vị tính: VNĐ

	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu			TK 531
	SH	Ngày tháng		SL	Đơn giá	Thành tiền	
			...				
9/8	0027838	9/8	Xuất bán cho C.ty TNHH An Phú	560	19.840	11.110.400	0
10/8	0027839	10/8	Xuất bán cho công ty TNHH Việt Hưng	700	19.840	13.888.000	0
.....						
11/8	0027842	21/8	Xuất bán cho C.Ty cổ phần và phát triển Thuận Yên	500	19.840	9.920.000	0
			Cộng phát sinh				
			Doanh thu thuần			90.875.000	
			Giá vốn hàng bán			78.908.000	
			Lãi gộp			11.967.000	

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 tới trang 01

Ngày mở sổ: 01/8/2013

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH TM VT Phương An

Địa chỉ: Thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, Thủy Nguyên, HP

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Xăng A92

Tháng 8 (Trích)

Đơn vị tính: VNĐ

	Chứng từ		Diễn giải	Doanh thu			TK 531
	SH	Ngày tháng		SL	Đơn giá	Thành tiền	
				
11/8	0027821	11/8	Xuất bán cho C.ty TNHH Thuận Yên	1000	19.800	19.800.000	0
11/8	0027822	11/8	Xuất bán cho công ty TNHH Ích Tâm	200	19.800	3.960.000	0
.....						
29/8	0027838	29/8	Xuất bán cho công ty cổ phần cơ khí Cường Dũng	500	19.800	9.900.000	
			Cộng phát sinh				
			Doanh thu thuần			209.684.000	
			Giá vốn hàng bán			179.095.000	
			Lãi gộp			30.589.000	

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 tới trang 01

Ngày mở sổ: 01/8/2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)

Công ty TNHH TM VT Phương An
Đường Hương, Lập Lễ, Thủy Nguyên, Hải
Phòng.

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Biểu số 2.11: sổ tổng hợp chi tiết

Đơn vị: : Công ty TNHH TM VT Phương An

Địa chỉ: Thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, Thủy Nguyên, HP

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

(Trích)

Tháng 8 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu bán hàng	Khoản giảm trừ	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
1	Dầu hỏa	19.908.000	1.207.030	18.700.970	14.508.000	4.192.970
2	Xăng A92	209.684.000	0	209.684.000	179.095.000	30.589.000
3	Dầu Mazzut	186.900.000	0	186.900.000	145.870.000	41.030.000
	...					
	Cộng	1.245.000.000	1.207.030	1.243.792.970	1.023.765.000	220.027.970

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)

SỔ CÁI

Tháng 8 năm 2013(trích)

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

(ĐVT:VNĐ)

Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Diễn Giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
			Trang số	STT dòng		Nợ	Có
		Số dư đầu tháng					
		Số phát sinh trong tháng					
		...					
10/8	0027840	Doanh thu bán lẻ hàng hóa			111		10.500.000
11/8	0027842	Doanh thu bán hàng cho công ty CP và PT Thuận Yên			131		40.665.500
11/8	0027843	Doanh thu bán hàng cho C.Ty Ích Tâm			111		125.749.000
11/8	0027844	Doanh thu bán hàng cho Cty Phương Thoa			131		20.000.000
11/8	0027845	Doanh thu bán hàng cho CT Duy Anh			131		33.000.000
		...					
30/8	0027847	Doanh thu bán hàng cho C.Ty TNHH Hảo Bình			111		6.900.000
30/8	0027848	Doanh thu bán hàng cho C.Ty VT Cát Hưng			131		9.600.000
		...					
30/8	PKT	Kết chuyển doanh thu bán hàng			911	1.235.987.000	
		Cộng phát sinh				1.235.987.000	1.235.987.000
		Số dư cuối tháng					

- Sổ này có 08 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 08

- Ngày mở sổ: 01/8/2013

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)

2.3.2.2. *Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH TM VT Phương An*

➤ **Tài khoản sử dụng :**

- TK 632 “Giá vốn hàng bán”

Kết cấu TK 632 như sau:

Bên nợ:

Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ

Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng hóa tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra

Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm nay thấp hơn năm trước

Bên có:

Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước

Trị giá vốn của số hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại

Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911

. Phương pháp xác định giá vốn hàng hoá:

Công ty xác định giá vốn hàng hoá theo phương thức bình quân sau mỗi lần nhập.

$$P_N = \frac{P_{TN}}{SL_N}$$

Giải thích

P_N : Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

P_{TN} : Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập

SL_N : Số lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho

➤ **Sổ kế toán sử dụng**

- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

- Sổ tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 632

Biểu số 2.13: phiếu xuất kho

Công Ty TNHH TM VT Phương An **Mẫu số 02-VT**
 Đường Hương,Lập Lễ,Thủy (Ban hành theo quyết định số 48/ 2006
 Nguyên,Hải Phòng. /QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 8 năm 2013 Nợ TK 632
 Số 847 Có TK 156

Họ, tên người nhận hàng : Địa chỉ (bộ phận)
 Lý do xuất kho : Xuất bán cho Công ty TNHH Ích Tâm
 Xuất tại kho : Công ty TNHH TM VT Phương An

STT	Tên hàng hoá , vật liệu	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Loa RX 350		chiếc	10	10	3.200.000	32.000.000
02	Loa RX AA 56		chiếc	5	5	4.350.000	21.750.000
03	Âm ni 100K		chiếc	8	8	2.500.000	20.000.000
04	Máy phát 1000 kW		chiếc	2	2	8.400.000	16.800.000
05	Dầu DO		lít	500	500	16.450	8.225.000
06	Xăng A95		lít	400	400	18.680	7.472.000
07	Xăng A92		lít	200	200	18.450	3.690.000
08	Dầu Mazut		lít	400	400	16.500	6.600.000
	Tổng cộng						116.537.000

Cộng thành tiền (bằng chữ): Một trăm mười sáu nghìn năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng chẵn

Xuất, ngày 11 tháng 8 năm 2013

Thủ kho **Người lập phiếu** **Kế toán trưởng** **Người nhận** **Giám đốc**
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)
 Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH VT TM Phương An

Biểu số 2.14: phiếu xuất kho

Công Ty TNHH TM VT Phương An

Mẫu số 02-VT

Đường Hương, Lập Lễ, Thủy Nguyên,
Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 8 năm 2013

Số: 848

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ, tên người nhận hàng : Địa chỉ (bộ phận)

Lý do xuất kho : Xuất bán cho Công ty Cổ phần và phát triển Thuận
Yến

Xuất tại kho : công ty TNHH TM VT Phương An

ST T	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Xăng A92		lít	1000	1000	18.450	18.450.000
02	Xăng A95		lít	500	500	18.680	9.340.000
03	Dầu DO		lít	560	560	16.450	9.212.000
04	Dầu hỏa		lít	70	70	16.800	1.176.000
	Tổng cộng						38.178.000

Cộng (bằng chữ) : Ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn

Xuất, ngày 11 tháng 8 năm 2013

Thủ kho **Người lập phiếu** **Kế toán trưởng** **Người nhận** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đón

Biểu số 2.15: sổ chi tiết giá vốn

Đơn vị: Công ty TNHH TM VT Phương An

Địa chỉ: Thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, Thủy Nguyên, HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Xăng A95

Tháng 8 năm 2013 (trích)

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
11/8	767	11/8	Xuất bán cho C.ty Thuần Yên	500	18.680	9,340.000
			...			
25/8	799	25/8	Xuất bán cho công ty thương mại VT Phú Vang	400	18.680	7.472.000
					
30/8	847	11/8	Xuất bán cho C.Ty TNHH Ích Tâm	400	18.680	7.472.000
			...			
			Cộng phát sinh	2.700		50.436.000

Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 tới trang 03

Ngày mở sổ: 01/8/2013

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16 : sổ chi tiết giá vốn

Đơn vị: Công ty TNHH TM VT Phương An

Địa chỉ: Thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, Thủy Nguyên, HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Xăng A92

Tháng 8 năm 2013 (trích)

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
11/8	0027821	11/8	Xuất bán cho công ty Thuận Yên	1000	18.450	18.450.000
11/8	0027822	11/8	Xuất bán cho công ty Ích Tâm	200	18.450	3.690.000
					
29/8	0027838	29/8	Xuất bán cho công ty cơ khí Cường Dũng	500	18.450	9.225.000
					
			Cộng phát sinh	9.705		179.095.000

Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 tới trang 03

Ngày mở sổ: 01/8/2013

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty TNHH TM VT Phương An)

Biểu số 2.16: sổ tổng hợp giá vốn

Đơn vị: Công ty TNHH TM VT Phương An

Địa chỉ: : Thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, Thủy Nguyên, HP

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 8 năm 2013

(trích)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên hàng hóa	Giá vốn hàng bán
01	Xăng A95	50.436.000
02	Xăng A92	179.095.000
03	Loa RX 320	231.654.000
04	Dầu Mazzut	39.600.000
	
	Cộng	1.675.890.000

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số 02

- Ngày mở sổ: 01/8/2013

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Từ các chứng từ gốc, kế toán vào sổ Nhật ký chung

Biểu số 2.17: sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH TM VT Phương An

Đường Hương, Lập Lễ, TN HP

Mẫu số: S03a- DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 8/2013 (Trích)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		
		
3/8	0027830	3/8	Bán hàng cho C.ty TNHH Phú Thành thu bằng tiền mặt	48	111	19.800.000	
					511		18.000.000
					3331		1.800.000
			Trị giá vốn	49	632	17.200.000	
					156		17.200.000
5/8	0027832		Xuất hàng bán cho công ty cổ phần Cát Hải chưa thu tiền	50	632	45.865.000	
					156		45.865.000
					131	55.000.000	
					511		50.000.000
					3331		5.000.000
11/8	0027842	11/8	Bán hàng cho công ty Thuận Yến	52	131	44.732.050	
					511		40.665.500
					3331		4.066.500
			Trị giá vốn		632	38.300.000	
					156		38.300.000
					156	900.000	

Khóa luận tốt nghiệp

29/8	0027843	29/8	Công ty Thuận Yên trả lại hàng	54	632		900.000
					531	1,097,300	
					3331	109.730	
					131		1.207.030
30/8	0027845		Kết chuyển doanh thu	58	511	1.235.987.000	
					911		1.235.987.000
	0027846		Kết chuyển chi phí		632	1.032.500.000	1.032.500.000
					911		
	0027847		Xác định thuế tndn phải nộp	60	821	50.870.750	
					3334		50.870.750
	0027848		Kc thuế tndn	62	911	50.870.750	
					821		50.870.750
						
			Cộng phát sinh	67		5.345.768.000	5.345.768.000

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: sổ cái

Công ty TNHH TM VT Phương An
Đường Hương, Lập Lễ, Thủy Nguyên,
Hải Phòng.

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 11 Năm 2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632 (trích)

Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Số phát sinh trong tháng			
		...			
30/8	842	Giá vốn hàng bán cho C. Ty Thuần Yên	156	38.300.000	
30/8	843	Giá vốn hàng bán cho C.Ty Ích Tâm	156	105.005.000	
30/8	844	Giá vốn hàng bán cho công ty Phương Thoa	156	17.890.000	
30/8	845	Giá vốn hàng bán cho C.Ty Duy Anh	156	27.000.000	
		...			
30/8	988	Giá vốn hàng bán trả lại	156		900.000
30/8	PKT	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		1.032.500.000
		Cộng Phát sinh		2.500.458.000	2.500.458.000
		Số dư cuối tháng			

- Sổ này có 08 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 08

- Ngày mở sổ: 01/8/2013

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH TM VT Phương An

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Bảng thanh toán lương, bảng tính và trích khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

Đơn vị: Công ty TNHH TMVT Phương An

Địa chỉ : Thôn Đường Hương,xã Lập Lễ,Thủy Nguyên,HP

Mẫu số: 02-LĐTL

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

Biểu số 2.19: bảng thanh toán lương

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Bộ phận QLDN

Tháng 8 / 2013

	Họ tên	Chức vụ	Lương chính		NC TT	Lương TT	Phụ cấp ăn trưa		Các khoản trừ vào lương			Thuế TN CN	Lương thực lĩnh
			Lương cơ bản	Lương HD			Cơ bản trên ngày 26 NC	Theo số ngày thực tế	BHXH (7%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)		
1	Đinh Thị Thi	PGD	4.200.000	25.000.000	20	19.230.769	650.000	500.000	294.000	63.000	42.000	353.977	18.977.792
2	Phan Anh Tú	PGD	3.800.000	20.000.000	18	13.846.154	600.000	415.385	266.000	57.000	38.000	33.127	13.867.412
3	Lê Huy Nam	KTT	3.100.000	7.000.000	20	5.384.615	450.000	346.154	217.000	46.500	31.000		5.436.269
										
	Cộng		22.850.000	84.000.000	134	61.480.768	3.650.000	2.680.769	1.599.500	342.750	228.500	387.104	

Thủ trưởng
(ký,họ tên)

kê toán trưởng
(kí ,họ tên)

Giám đốc
(kí, họ tên)

Biểu số 2.20: bảng tính khấu hao TSCĐ

Đơn vị: Công ty TNHH TM VT Phương An

Địa chỉ : Đường Hương,Lập Lễ,Thủy Nguyên,Hải Phòng.

Mẫu số: 01-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 8 /2013

Bộ phận QLDN

Mã	Tên TSCĐ	Ngày tính khấu hao	Nguyên giá	Số tháng khấu hao	Giá trị khấu hao trong kì	Giá trị còn lại
TD X2	Tàu dầu X2	1/8	2.650.000.000	120	22.083.334	2.627.916.666
OTO	Ô tô Huyndai	1/8	980.760.000	96	10.216.250	970.543.750
MAZDA	Ô tô Mazda CRX6	1/8	1.009.090.944	96	10.511.364	725.284.116
	Cộng		4.639.850.944	312	42.810.948	4.323.744.532

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21: Phiếu chi

Công ty TNHH TM VT Phương An

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Thôn Đường Hương, xã Lập (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
Lễ, Thủy Nguyên, HP ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Số: 56

Nợ: 642

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Oánh Tín

Địa chỉ: 25 Đà Nẵng, Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Lý do chi: chi mua văn phòng phẩm sử dụng cho bộ phận QLDN

Số tiền: 2.200.000 đồng. (Viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm nghìn đồng
chẵn

Kèm theo 01 chứng từ gốc: 01 Hóa đơn GTGT

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Từ các chứng từ gốc, kế toán vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung
kế toán vào sổ cái tài khoản 642

Biểu số 2.22: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH TM VT Phương An

Mẫu số: S03a- DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ- BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 8/2013 (Trích)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		
15/8	56	15/8	Mua văn phòng phẩm SD cho công tác QLDN	2761	642	2.000.000	
				2762	133	200.000	
				2763	111		2.200.000
						
30/8	BPB	30/8	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLDN	5389	642	42.810.948	
				5390	214		42.810.948
30/8	PKT	30/8	Kết chuyển chi phí QLDN	5412	911	106.414.631	
				5413	642		106.414.631
			...				
			Cộng chuyển sang trang sau			4.896.627.202	4.896.627.202

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH TM VT Phương An

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ Đường Hương, Lập Lễ, Thủy Nguyên,
Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 8 Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí QLDN

Số hiệu: 642

(trích)

Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Số phát sinh trong tháng			
		...			
15/8	PC 56	Mua vật liệu sử dụng cho bộ phận QLDN	111	2.000.000	
		...			
30/8	PKT 80	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLDN	214	42.810.948	
		...			
30/8	PKT 83	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		106.641.631
		Cộng phát sinh trong tháng		245.089.986	245.089.986
		Số dư cuối tháng			

- Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ: 01/8/2013

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.2.4.. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An

➤ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu kế toán

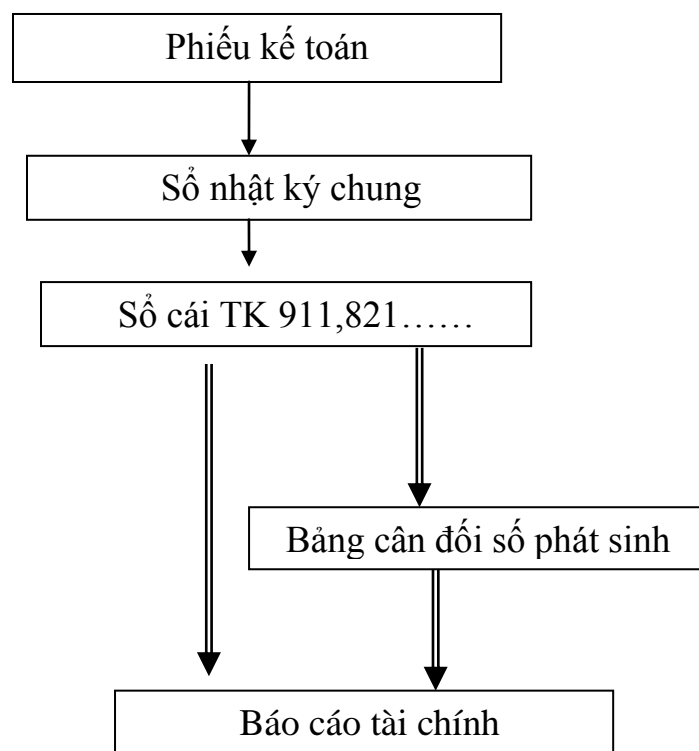
➤ **Tài khoản sử dụng**

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh Ngoài ra, công ty còn sử dụng các TK 821, 421, 3334 2.2.6.3.

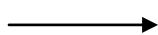
➤ **Trình tự hạch toán**

Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán lập các Phiếu kế toán, sau đó tiến hành vào Sổ Nhật ký chung, từ Nhật ký chung vào Sổ cái các TK 911, 821, 421, 3334

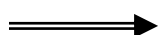
Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM VT Phương An



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 82

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu thuần quý 4	511	911	8.145.400.000
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515	911	300.590.000
3	Kết chuyển thu nhập khác quý 4	711	911	457.800.500
	Tổng cộng			8.903.790.500

Người Lập

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 83

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	632	5.670.000.000
2	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	635	40.800.000
3	Kết chuyển CPBH quý 4	911	641	458.800.176
4	Kết chuyển CPQLDN quý 4	911	642	456.980.000
5	Kết chuyển chi phí khác quý 4	911	811	23.000.000
	Tổng cộng			6.649.580.176

Người Lập

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 84

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 4	821	3334	563.552.581
	Tổng cộng			563.552.581

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 85

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	kết chuyển chi phí thuế TNDN quý	911	821	563.552.581
	Tổng cộng			563.552.581

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 86

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối quý 4	911	421	1.690.657.743
	Tổng cộng			1.690.657.743

Biểu số 2.25 : sổ nhật ký chung
SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT					
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần quý 4	511	911	8.145.400.000	8.145.400.000
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515	911	300.590.000	300.590.000
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển doanh thu khác quý 4	711	911	457.800.500	457.800.500
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển giá vốn quý 4	911	632	5.670.000.000	5.670.000.000
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	635	40.800.000	40.800.000
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển CPBH quý 4	911	641	458.800.176	458.800.176
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển CPQLDN quý 4	911	642	456.980.000	456.980.000
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí khác quý 4	911	811	23.000.000	23.000.000
31/12	PKT 84	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 4	821	3334	563.552.581	563.552.581
31/12	PKT 85	31/12	K/C thuế TNDN phải nộp quý	911	821	563.552.581	563.552.581
31/12	PKT 86	31/12	K/C LN chưa phân phối quý 4	911	421	1.690.657.743	1.690.657.743
			Cộng			18.371.133.581	18.371.133.581

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VT PHƯƠNG AN

3.1. Định hướng phát triển của công ty TNHH TM VT Phương An.

Với phương châm hoạt động của công ty : “ Chất lượng là tiền đề cho sự phát triển bền vững” công ty TNHH TM VT Phương An đã không ngừng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh với đa dạng chủng loại các mặt hàng nhằm đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của khách hàng . Không chỉ dừng ở đó công ty đưa ra mục tiêu phát triển trong tương lai là đi sâu vào lĩnh vực kinh doanh trở thành một trong những nhà cung cấp và phân phối lớn trên thị trường Hải Phòng và tiến đến thị trường toàn quốc. Và công ty đang nỗ lực cố gắng để thực hiện mục tiêu đó.

3.2 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMVT Phương An.

Hiệu quả công tác quản lý và thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh. Trong thời gian thực tập, được tìm hiểu tình hình thực tế về công tác hạch toán kế toán tại Công ty TNHH TMVT Phương An, em nhận thấy rằng: về cơ bản, công tác hạch toán kế toán của Công ty đã tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước và Bộ tài chính ban hành, đồng thời cũng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực mà Công ty đã đạt được, công tác tổ chức hạch toán kế toán vẫn không tránh khỏi những mặt còn tồn tại, chưa hợp lý, chưa thật tối ưu.

3.2.1. Những ưu điểm

Thứ nhất: về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ phù hợp với điều kiện kinh doanh và hạch toán độc lập đồng thời tạo điều kiện cho kế toán kiểm tra và giám sát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả. Đội ngũ kế toán của phòng kế toán có trình độ cao, được phân công rõ ràng theo từng phần hành kế toán phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn, do đó công tác kế toán đạt hiệu quả cao và hạn chế nhiều sai sót.

Thứ hai: về kế toán hàng tồn kho

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo cung cấp thường xuyên liên tục về tình hình nhập-xuất-tồn hàng hoá tại Công ty phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý.

Thứ ba: về các khoản giảm trừ doanh thu

Công ty thực hiện tương đối phù hợp với chế độ kế toán mới do Bộ tài chính ban hành. Ngoài ra công ty đã hạn chế tới mức tối đa những khoản giảm trừ doanh thu không đáng có như: giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Điều này thể hiện công ty đã làm tốt công tác kiểm tra chất lượng hàng bán.

Thứ tư: về chứng từ và luân chuyển chứng từ:

Công ty đã sử dụng rất nhiều các loại chứng từ khác nhau theo mẫu chuẩn của Bộ tài chính ban hành, đảm bảo cho quá trình hạch toán được rõ ràng, chính xác, nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán. Trình tự luân chuyển chứng từ theo từng bước, không bỏ sót chứng từ.

3.2.2 Nhược điểm

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán chi phí doanh thu và xác định kết quả kinh doanh còn tồn tại những nhược điểm cần phải khắc phục. Cụ thể:

Thứ nhất: Công ty chưa có phần mềm kế toán riêng nên khối lượng công việc của kế toán vẫn còn nhiều, việc tính toán vẫn còn vất vả và mất nhiều thời gian cho nhân viên kế toán. Công việc kế toán chủ yếu thực hiện bằng thủ công và thực hiện trên phần mềm Excel do vậy các công thức tính toán khi soa chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các báo cáo tài chính ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Công ty cũng chưa tổ chức bộ máy kế toán quản trị để phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp. Vì vậy những thông tin mà kế toán cung cấp cho nhà quản lý đôi khi thiếu chính xác, kịp thời và còn nhiều bất cập trong việc điều hành quản lý nội bộ đơn vị.

Thứ hai: hiện nay tại công ty chưa tiến hành trích lập các khoản nợ phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng công ty có chính sách bán trả chậm nên việc xảy ra rủi ro do không thu hồi được nợ là rất

lớn. kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán. Hoặc cũng có thể không thanh toán được.

Thứ ba: Công ty không sử dụng TK chi tiết để phản ánh riêng chi phí thu mua hàng hóa mà phản ánh giá mua theo hóa đơn của hàng hóa và chi phí thu mua hàng hóa vào chung TK 156, như vậy rất có thể phản ánh sai trị giá vốn của các lô hàng khác nhau.

Thứ tư: Trong hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, Công ty phân bổ chi phí bán hàng và cho phí quản lý doanh nghiệp cho toàn bộ hàng tiêu thụ vào cuối mỗi tháng, tuy nhiên kế toán lại không phân bổ chi phí này cho từng mặt hàng tiêu thụ, vì vậy không xác định được chính xác kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng để từ đó có kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Thứ năm: Công ty sử dụng các sổ sách do Bộ tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC về cơ bản là theo đúng mẫu, tuy nhiên trên sổ Nhật ký chung và sổ Cái của công ty bị thiếu mất một số cột so với mẫu chuẩn. Điều đó gây trở ngại trong công tác hạch toán kế toán của công ty. Trên sổ nhật ký chung của Công ty bị thiếu cột “Đã ghi vào sổ cái”. Cột này dùng để đánh dấu những nghiệp vụ ghi sổ Nhật ký chung đã được ghi vào sổ Cái, do đó việc thiếu đi cột này có thể gây ra nhầm lẫn ghi thiếu hoặc ghi trùng lặp khi phản ánh các nghiệp vụ từ sổ này sang sổ khác. Trên sổ Cái của công ty bị thiếu cột “Ngày tháng ghi sổ” và cột “Nhật ký chung”. Trên sổ sách, mỗi cột đảm nhiệm một chức năng riêng, mặc dù cột ngày tháng ghi sổ chỉ phản ánh về mặt thời gian nhưng cũng rất quan trọng bởi nó là căn cứ để kiểm tra, đối chiếu các số liệu với các sổ và thẻ kế toán chi tiết. Nếu thiếu cột này việc tìm kiếm và kiểm tra các số liệu sẽ rất khó khăn và tốn nhiều thời gian, công sức. Ngoài ra trên sổ này không có cột “Nhật ký chung” nên do vậy không thể biết được số trang của sổ Nhật ký chung đã ghi nghiệp vụ này, và số dòng của sổ “Nhật ký chung” đã ghi nghiệp vụ này.

Thứ sáu : hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu thương mại. chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động

kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Thứ bảy : hiện nay , số lượng nghiệp vụ bán hàng phát sinh trong một ngày,một tháng của công ty là rất lớn với nhiều những nội dung kinh tế giống nhau nhưng công ty lại không mở sổ nhật ký bán hàng,nhật ký thu tiền và các sổ nhật ký chuyên dùng. Điều này làm tăng khối lượng công việc cần phải làm của kế toán bán hàng.

3.2. Kiến nghị một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An.

Thứ nhất: về việc ứng dụng phần mềm kế toán

Tuy thực tế hiện nay công ty đã trong bị được khá nhiều máy tính cho phòng kế toán nhưng mọi công việc vẫn phải làm thủ công trên excel.Công ty nên trang bị cho bộ phận kế toán một phần mềm kế toán, nhưng phải phù hợp với chế độ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC mà doanh nghiệp đang áp dụng. Phần mềm kế toán sẽ tự tạo thành hệ thống sổ theo hình thức Nhật ký chung và không mất thời gian xử lý bằng chương trình Microsoft Word và Execl như hiện tại. Ngoài ra, Công ty cũng nên thành lập một bộ phận kế toán quản trị tách biệt với bộ phận kế toán tài chính để thực hiện chức năng quản lý nội bộ, cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời cho ban lãnh đạo Công ty.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều công ty chuyên cung cấp phần mềm kế toán với các phần mềm kế toán nổi tiếng như MISA, SAS INNOVA,AC SOFT...Công ty cần nghiên cứu và lựa chọn phần mềm kế toán cho phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, với các nghiệp vụ phát sinh của đơn vị mình.

Việc ứng dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán tại công ty sẽ giúp cho các kế toán viên giảm được khối lượng công việc hàng ngày,kế toán trưởng giảm được thời gian tổng hợp,đối chiếu số liệu, đặc biệt là có thể cung cấp thông tin tài chính nói chung,kết quả kinh doanh của công ty nói riêng tại bất kỳ thời điểm nào khi nhà quản lý yêu cầu.

Thứ hai : về việc trích lập các khoản dự phòng .

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm đến mức tối thiểu những tổn thất về những khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra thì việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi là điều vô cùng cần thiết:

-Các khoản nợ của khách hàng là rất lớn nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán rất dễ xảy ra.

-Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên việc thất thu là không thể tránh khỏi

Do vậy công ty nên tiến hành lập khoản dự phòng phải thu khó đòi cho các hoạt động của mình

Đối với dự phòng các khoản phải thu khó đòi :

Là một doanh nghiệp kinh doanh thương mại, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí có nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán(theo báo cáo nợ phải thu đến ngày 31/12/2013). Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của công ty.

Để trích lập các khoản nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 159 “dự phòng phải thu khó đòi” và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán,kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc nhận thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Phương pháp xác định mức dự phòng cần lập:

Dự phòng phải thu khó đòi cần lập = Nợ phải thu khó đòi × số % có khả năng mất

Mức trích lập đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

Thời gian thanh toán quá hạn(t)	Mức dự phòng cần lập
$6^{\text{tháng}} \leq t < 01^{\text{năm}}$	30% giá trị nợ phải thu
$01^{\text{năm}} \leq t < 2^{\text{năm}}$	50% giá trị nợ phải thu
$02^{\text{năm}} \leq t < 3^{\text{năm}}$	70% giá trị nợ phải thu
$\geq 3^{\text{năm}}$	100% giá trị nợ phải thu

Khi tiến hành các khoản trích lập dự phòng công ty cần chú ý:

+ Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có căn cứ xác định các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được.

+ Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phải được chi tiết cho từng khách hàng. Sau khi tiến hành xong việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cuối kỳ kế toán,kế toán tiến hành tập hợp chi phí trên Các TK 642 rồi sau đó kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Đối với các khoản nợ được xóa sổ thì căn cứ vào các chứng từ sau : biên bản của hội đồng xử lý nợ, bản kê chi tiết khoản nợ khó đòi, quyết định của tòa án... Quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý số nợ không thu hồi được.

Sau khi tiến hành xóa sổ các khoản nợ không đòi được, kế toán vẫn phải tiến hành theo dõi tối thiểu trong vòng 5 năm và vẫn phải có các biện pháp đòi nợ. sau này nếu thu hồi được số nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được và ghi nhận :

Nợ TK 111 ; 112 : Giá trị thực tế thu hồi được

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời tiến hành ghi đơn :

Có TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý.

Thứ ba : Mở sổ nhật ký đặc biệt

Do đặc điểm kinh doanh của công ty kinh doanh thương mại là mua hàng hóa và bán ra thị trường, do đó nghiệp vụ mua hàng, bán hàng, thu tiền, chi tiền là nghiệp vụ chủ yếu trong kỳ. Việc mở Nhật ký chuyên dùng (Nhật ký mua hàng, Nhật ký bán hàng,...) để theo dõi mua hàng, bán hàng, thu tiền, chi tiền sẽ nâng cao tính hiệu quả trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng nói riêng . Các mẫu sổ nhật ký đặc biệt ban hành theo **quyết định số 48/2006/QĐ-BTC** ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Nội dung của giải pháp: Từ chứng từ kế toán vào sổ nhật ký đặc biệt

- Nhật ký thu tiền (S03a1- DNN): Dùng để ghi chép các nghiệp vụ thu tiền của Công ty, Mẫu sổ này mở riêng cho thu tiền mặt, thu tiền ngân hàng, cho từng loại tiền

Biểu số 3.1: sổ nhật ký thu tiền

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a1-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Gh i Nợ TK ...	Ghi Có các TK					
	Số hiệu	Ngày, tháng			..				Tài khoản khác	
					Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển sang trang sau							

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Nhật ký chi tiền (S03a2- DNN): Dùng để ghi chép các nghiệp vụ chi tiền của Công ty. Mẫu sổ này mở riêng cho chi tiền mặt, chi tiền qua ngân hàng, cho từng loại tiền

Biểu số 3.2: sổ nhật ký chi tiền

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a2-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm:

Ngày , tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK ...	Ghi Nợ các TK					
	Số hiệu	Ngày , tháng			Tài khoản khác	
					Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển sang trang sau							

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Nhật ký mua hàng (S03a3- DNN): Dùng để ghi chép các nghiệp vụ mua hàng theo từng loại hàng tồn kho của đơn vị. Dùng để ghi chép theo hình thức trả tiền sau (mua chịu). Trường hợp trả tiền trước cho người bán thì khi phát sinh nghiệp vụ mua hàng cũng ghi vào trong sổ này.

Biểu số 3.3: sổ nhật ký mua hàng

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a3-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ MUA HÀNG

Năm:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản ghi Nợ				Phải trả người bán (ghi Có)
	Số hiệu	Ngày, tháng		Hàng hóa	Nguyên liệu, vật liệu	Tài khoản khác		
						Số hiệu	Số tiền	
A	B	C	D	1	2	E	3	4
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Nhật ký bán hàng (S03a4- DNN): Dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của Công ty, ghi chép các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức thu tiền sau.

Biểu số 3.4: sổ nhật ký bán hàng

Đơn vi:.....

Mẫu số: S03a4-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Năm.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu Người mua(ghi nợ)	Ghi Có tài khoản doanh thu		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Hàng hóa	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang				
			Cộng chuyển sang trang sau				

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :

Ngày tháng năm.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Thứ tư: Công ty nên theo dõi riêng giá trị hàng mua theo hóa đơn và chi phí thu mua hàng hóa để phân bổ chính xác chi phí thu mua cho từng lô hàng, theo đó mà phản ánh đúng trị giá vốn của hàng bán và xác định đúng đắn kết quả tiêu thụ.

Việc theo dõi riêng giá trị hàng mua theo hóa đơn và chi phí thu mua hàng hóa có thể thực hiện bằng cách chi tiết TK 156 thành hai TK cấp 2:

- TK 1561: phản ánh giá mua thực tế hàng hóa tại kho, quầy
- TK 1562: phản ánh chi phí thu mua hàng hóa

Thứ năm: Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng tiêu thụ để tính chính xác kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng.

Hàng hóa của Công ty gồm nhiều chủng loại, mỗi loại lại mang mức lợi nhuận khác nhau. Một trong những biện pháp tăng lợi nhuận là phải chú trọng nâng cao doanh thu tiêu thụ của những mặt hàng có lợi nhuận cao. Vì vậy Công ty cần xác định được chính xác kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng, từ đó xây dựng kế hoạch tiêu thụ mang lại hiệu quả cao nhất. Để thực hiện tốt điều đó, Công ty nên sử dụng tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng cuối mỗi tháng. Đối với những chi phí này thì tiêu thức phân bổ nên sử dụng là phân bổ theo doanh số bán. Công thức phân bổ như sau:

$$\text{CPBH, CPQLDN phân bổ cho mặt hàng } i = \frac{\text{CPBH, CPQLDN cần phân bổ}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng}} \times \text{Doanh thu bán mặt hàng } i$$

Khi phân bổ được chi phí kinh doanh cho từng mặt hàng tiêu thụ ta sẽ xác định được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đó.

Thứ sáu : áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. công ty TNHH TM VT Phương An cũng vậy, hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty . việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

Chiết khấu thương mại : là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK 521-Chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên :

- Công ty có thể tham khảo chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

-Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên HĐ GTGT hoặc HĐ Bán hàng lần cuối cùng

-Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

-Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá(đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa này, không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường

Thứ bảy: Hoàn thiện sổ Nhật ký chung và sổ Cái theo đúng mẫu Bộ Tài chính ban hành trong quyết định 48/2006/QĐ-BTC.

Mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.5: Sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số TT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang	X	X	X		

Biểu số 3.6: Sổ cái (theo hình thức nhật ký chung)

SỔ CÁI

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn Giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng					
			- Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý					

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của chuyên đề thực tập tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Phương An”.

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn công tác nán tại công ty, em thấy công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ...., phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. xuất phát từ tầm quan trọng đó, công ty TNHH TM VT Phương An đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. nhờ đó công ty không ngừng phát triển và có những thành tích đáng khen ngợi.

Trên cơ sở những ưu điểm và những tồn tại của công ty. được tiếp xúc với bộ máy kế toán và các phân hành kế toán trong Công ty, qua nghiên cứu, em đã thấy được một số thành tựu nhất định đồng thời cũng nhận ra một số hạn chế trong công tác tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty, từ đó em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán kế toán tại Công ty TNHH TM VT Phương An. Do kiến thức bản thân còn hạn chế nên bài làm không thể tránh khỏi những sai sót. vì vậy, kính mong nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô và ban lãnh đạo công ty để chuyên đề được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của cô giáo **Nguyễn Thị Thúy Hồng** và các cán bộ phòng tài chính kế toán công ty TNHH TM VT Phương An trong thời gian thực tập cũng như trong việc hoàn thành Báo cáo thực tập tốt nghiệp của em.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày tháng năm 2014

Sinh viên

Lê Thị Thu

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC của bộ trưởng bộ tài chính.
- 2.Chuẩn mực kế toán
- 3.Tài liệu.các chứng từ,sổ sách kế toán năm 2013 của công ty TNHH TM VT Phương An.
- 4.GS. TS Đặng Thị Loan (năm xuất bản), giáo trình “ kế toán tài chính trong các doanh nghiệp”, nhà xuất bản, nơi xuất bản
- 5.PGS. TS Nguyễn Văn Công (2006), “lý thuyết thực hành kế toán tài chính”, nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân, Hà Nội.